

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 5 tháng 3 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 13 tháng 3 năm 2008)



LILAMA.TESTING

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

Địa chỉ: 434-436 Đường Nguyễn Trãi - Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Điện thoại: (84-4)3554 3839

Fax: (84-4) 3554 3790

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Trụ sở: Tầng 1&5 Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3537 8010

Fax: (84-4) 3537 8005

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Vũ Thị Thúy Giang**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Số điện thoại: (84-4) 3554 3796

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 5 tháng 3 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 13 tháng 3 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

| | |
|-------------------------|---|
| Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện |
| Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng |
| Tổng số lượng niêm yết: | 1.350.000 cổ phần |
| Tổng giá trị niêm yết: | 13.500.000.000 đồng |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 12, Ngõ 2, Hoa Lư – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3767 0720 Fax: (84-4) 3767 0721

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biến cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính:

Địa chỉ: tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3537 8010 Fax: (84-4) 3537 8005

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 5 |
| 2. Rủi ro về luật pháp | 6 |
| 3. Rủi ro đặc thù ngành nghề..... | 6 |
| 4. Rủi ro vận hành | 7 |
| 5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết | 7 |
| 6. Rủi ro khác | 7 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 8 |
| 1. Tổ chức niêm yết..... | 8 |
| 2. Tổ chức tư vấn..... | 8 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM..... | 8 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 10 |
| 1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện | 10 |
| 1.1. Những thông tin chung về Công ty | 10 |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh..... | 11 |
| 1.3. Quá trình hình thành và phát triển..... | 11 |
| 2. Cơ cấu tổ chức Công ty | 15 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 16 |
| 3.1. Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| 3.2. Hội đồng quản trị..... | 16 |
| 3.3. Ban Giám đốc Công ty | 16 |
| 3.4. Ban kiểm soát | 16 |
| 3.5. Phòng Tổ chức Hành chính..... | 17 |
| 3.6. Phòng Kế toán Tài chính..... | 18 |
| 3.7. Phòng Kinh tế Kỹ thuật..... | 18 |
| 3.9. Phòng Thiết bị vật tư..... | 20 |
| 4. Cơ cấu cổ đông..... | 20 |
| 4.1. Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 16/8/2010 | 20 |
| 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty | 21 |
| 4.3. Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận kinh doanh tại thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần..... | 21 |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết..... | 22 |
| 5.1. Công ty Mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết..... | 22 |
| 5.2. Các Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết | 22 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 22 |
| 6.1. Sản phẩm, dịch vụ qua các năm | 22 |
| 6.2. Nguyên vật liệu | 28 |
| 6.3. Chi phí sản xuất..... | 29 |
| 6.4. Trình độ công nghệ | 30 |
| 6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới..... | 34 |
| 6.6. Nhãn hiệu thương mại..... | 34 |
| 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm..... | 35 |
| 6.8. Tình hình thị trường hoạt động | 35 |
| 6.9. Hoạt động marketing..... | 35 |
| 6.10. Một số công trình lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết | 36 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 37 |

| | | |
|------------|---|-----------|
| 7.1 | Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây | 37 |
| 7.2 | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty..... | 38 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành | 39 |
| 8.1 | Vị thế của Công ty trong ngành | 39 |
| 8.2 | Triển vọng phát triển của ngành, sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành | 41 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động | 41 |
| 9.1 | Cơ cấu lao động..... | 41 |
| 9.2 | Chính sách đối với người lao động | 42 |
| 10. | Chính sách cổ tức | 43 |
| 11. | Tình hình Tài chính..... | 43 |
| 11.1 | Các chỉ tiêu cơ bản | 43 |
| 11.2 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 51 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc, Kế toán trưởng | 53 |
| 12.1 | Hội đồng quản trị..... | 53 |
| 12.2 | Ban kiểm soát..... | 58 |
| 12.3 | Ban Giám Đốc..... | 60 |
| 13. | Tài sản | 61 |
| 13.1 | Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 | 62 |
| 13.2 | Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/3/2010 | 62 |
| 13.3 | Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng..... | 63 |
| 14. | Kế hoạch phát triển kinh doanh..... | 63 |
| 14.1 | Chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 - 2011..... | 63 |
| 14.2 | Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 64 |
| 15. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 66 |
| 16. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết..... | 67 |
| 17. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết..... | 67 |
| V. | CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 67 |
| 1. | Loại chứng khoán..... | 67 |
| 2. | Mệnh giá..... | 67 |
| 3. | Tổng số chứng khoán niêm yết | 67 |
| 4. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật..... | 68 |
| 5. | Phương pháp tính giá | 68 |
| 6. | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 69 |
| 7. | Các loại thuế có liên quan | 69 |
| VI. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT | 69 |
| 1. | Tổ chức tư vấn niêm yết..... | 69 |
| 2. | Tổ chức kiểm toán..... | 70 |
| | PHỤ LỤC | 71 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

- **Tăng trưởng kinh tế:** Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện hoạt động chủ yếu trên ba lĩnh vực: Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; lắp đặt thiết bị điện và kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT). Thị trường kinh doanh các dịch vụ này là thị trường chịu ảnh hưởng nhiều bởi các diễn biến của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người cũng như giá cả của một số mặt hàng quan trọng có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế nói chung và của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện nói riêng. Nền kinh tế phát triển sẽ kéo theo sự gia tăng đầu tư vào các dự án, công trình, nhà máy điện,..., khi đó các hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh và lắp đặt thiết bị điện, kiểm tra mỗi hàn của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện phục vụ cho các dự án, công trình, nhà máy điện,... sẽ được thúc đẩy phát triển theo. Những năm trước đây, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 8,0% - 8,5%⁽¹⁾. Tuy nhiên, những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển chững lại so với những năm trước do ảnh hưởng từ cuộc suy thoái kinh tế thế giới. Năm 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 5,32%⁽²⁾, là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Với sự sụt giảm về mức tăng trưởng của nền kinh tế trong nước, nhiều dự án, công trình bị hoãn lại hoặc thực hiện không đúng tiến độ đã khiến cho hoạt động kinh doanh trong năm 2009 của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện đạt hiệu quả thấp so với các năm trước với mức sụt giảm về doanh thu thuần là 27% so với năm 2008.

Bước sang năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi khá tốt với tốc độ tăng trưởng đạt 5,83%⁽³⁾ trong Quý 1, là mức tăng cao gần gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái. Với những yếu tố tích cực về sự tăng trưởng kinh tế trong năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả cao trong năm 2010.

Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện luôn xác định rủi ro về tăng trưởng kinh tế là một trong những rủi ro cơ bản đối với không chỉ Công ty mà còn là rủi ro mang tính hệ thống đối với mọi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Do vậy, Công ty đã tính toán rủi ro này và có định hướng phát triển riêng dựa vào các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

- **Lãi vay:** Với quy mô vốn điều lệ hiện tại hơn 13 tỷ đồng, doanh thu thuần năm 2009 đạt 49 tỷ đồng, trong hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng lượng vốn vay khá lớn (Năm 2009, khoảng 68% tổng nguồn vốn). Trong thời gian tới, khi Công ty triển khai thi công các dự án xây dựng nhà máy sản xuất, mở rộng thị trường thì nhu cầu huy động vốn, trong đó có vốn vay sẽ tăng lên. Với đặc điểm này, hoạt động kinh doanh của Công ty chứa đựng rủi ro tín dụng tiềm ẩn. Trong điều kiện hiện tại, mặt bằng lãi suất vay vốn trên thị trường đang khá cao, bình quân 15%-18%⁽⁴⁾. Với mặt bằng lãi suất khá cao như vậy sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là áp lực trả lãi suất vay. Do đó, cân bằng nguồn vốn và giảm bớt

⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾ Nguồn: Tổng cục Thống kê

việc sử dụng đòn bẩy tài chính cần được Công ty ưu tiên thực hiện như một biện pháp phòng tránh rủi ro lãi suất.

2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Các văn bản này còn nhiều mâu thuẫn, dẫn đến thủ tục hành chính rườm rà, làm ảnh hưởng phần nào đến hoạt động của Công ty. Bất cứ sự thay đổi về mặt chính sách, quy định của luật pháp luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối đồng thời của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn có nghĩa vụ tuân theo các quy định niêm yết của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hệ thống luật chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên có khả năng thay đổi, làm ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên phân công cán bộ theo dõi sát sao và cập nhật các quy định pháp luật mới có liên quan đến ngành nghề, thị trường của mình nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng theo pháp luật và dự báo khả năng phải thay đổi để đáp ứng với các yêu cầu mới.

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề

Rủi ro về cạnh tranh: Cùng với sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, nhiều dự án, công trình, nhà máy điện vẫn đang tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ trên cả nước. Cùng với nó là nhu cầu tìm kiếm những đơn vị có truyền thống, kinh nghiệm và uy tín trong ngành để thực hiện các phần việc liên quan. Hiện nay, Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện là đơn vị duy nhất trong Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam có chức năng thí nghiệm, hiệu chỉnh các công trình điện và kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy. Với sự tín nhiệm cao, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đã tin tưởng giao cho Công ty thi công phần việc thí nghiệm – hiệu chỉnh điện hầu hết tất cả các công trình Tổng Công ty đã tham gia làm chủ đầu tư hoặc tổng thầu. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia đấu thầu thực hiện các dự án về lắp đặt thiết bị điện, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị với các doanh nghiệp ngoài Tổng Công ty, Công ty cũng gặp phải sự cạnh tranh không nhỏ của các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính lớn, có sự đầu tư mạnh về hoạt động thí nghiệm cơ điện, lắp đặt thiết bị.

Rủi ro về công nghệ: Hiện nay khoa học công nghệ ngày càng phát triển, các dự án ngày càng đa dạng và đòi hỏi chất lượng cao, kỹ thuật phức tạp. Do đó các công ty thuộc lĩnh vực thí nghiệm cơ điện và lắp đặt thiết bị nói chung cũng như Công ty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện

nói riêng đều phải đứng trước thách thức lớn về việc đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao tay nghề của lao động nhằm nâng cao năng lực thi công nói riêng và năng lực cạnh tranh nói chung. Trong khi đó việc đầu tư đổi mới công nghệ là chiến lược phát triển dài hạn, yêu cầu về vốn đầu tư lớn do vậy không thể giải quyết nhanh chóng trong thời gian ngắn, do vậy gây ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường của doanh nghiệp, làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

4. Rủi ro vận hành

Rủi ro vận hành là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình và con người trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện, Công ty luôn nhận thức rõ các sự cố có thể phát sinh trong quá trình lắp đặt. Cùng với việc áp dụng quy trình quản lý chất lượng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo sâu sát và tạo mọi điều kiện cho công tác kỹ thuật và an toàn lao động. Từ đó hạn chế những tổn thất có thể xảy ra trong quá trình lắp đặt thiết bị điện.

Đối với lĩnh vực thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; và hoạt động kiểm tra các mối hàn bằng phương pháp không phá hủy thì yếu tố con người và công nghệ là hết sức quan trọng. Để giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận hành, ngay từ lúc đầu Công ty đã tập trung đầu tư vào máy móc thiết bị và công nghệ cho công tác hiệu chỉnh, thí nghiệm điện, an toàn bức xạ; công tác kiểm tra các mối hàn. Đồng thời Công ty đã có chế độ, chính sách hợp lý nhằm thu hút đông đảo lực lượng cán bộ, kỹ sư có tay nghề và trình độ. Do đó, những rủi ro về vận hành trong hoạt động của Công ty đều được giảm thiểu một cách tối đa.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và thị trường chứng khoán, tâm lý người đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường... Ngoài những yếu tố trên, khi Công ty có nhu cầu tăng vốn mở rộng sản xuất kinh doanh sẽ phát sinh rủi ro loãng giá. Vốn tăng, áp lực trả cổ tức cho cổ đông cũng tăng, xét trong ngắn hạn, việc tăng vốn sẽ làm giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện giảm. Tuy nhiên cần phải xét đến mục đích và tính khả thi của những dự án dùng để huy động vốn. Giá cổ phiếu trong dài hạn sẽ tăng nếu các dự án của Công ty đưa ra là khả thi và có hiệu quả cao.

6. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,.. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các công trình mà Công ty tham gia thi công.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Hoàng Minh Phương Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Vũ Thị Thúy Giang Chức vụ: TV HĐQT, Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Mạnh Hưởng Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Vinh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Lilama – Thí nghiệm cơ điện cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- | | |
|-----------------|--|
| ♦ Bản cáo bạch: | Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện về những nội dung liên quan đến đợt niêm yết |
| ♦ Công ty: | Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện |
| ♦ Cổ đông: | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Lilama.Testing |
| ♦ Cổ phần: | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau |
| ♦ Cổ phiếu: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện |
-

- ♦ **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Lilama.Testing sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính
- ♦ **Điều lệ:** Điều lệ của Lilama.Testing đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ♦ **Năm tài chính:** Tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch hàng năm.
- ♦ **Người liên quan:** Cá nhân hoặc các tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- ♦ **Vốn điều lệ:** Số vốn do thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi trong Điều lệ của Lilama.Testing

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:


- ♦ **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ♦ **SGDCK HN:** Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ♦ **Lilama.Testing:** Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện
- ♦ **HĐQT:** Hội đồng quản trị
- ♦ **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông
- ♦ **BGD:** Ban giám đốc

- ♦ BKS: Ban kiểm soát
- ♦ XN: Xí nghiệp
- ♦ CBCNV: Cán bộ - công nhân viên
- ♦ VNĐ: Đồng Việt Nam
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- ♦ GTGT: Giá trị gia tăng
- ♦ KCN: Khu công nghiệp
- ♦ WTO: Tổ chức Thương mại thế giới
- ♦ TCT: Tổng Công ty
- ♦ VND: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam, đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

1.1. Những thông tin chung về Công ty

| | | |
|-----------------------|---|---|
| Tên công ty | : | Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện |
| Tên giao dịch quốc tế | : | LILAMA- Electromechanics Testing Joint Stock |
| Tên viết tắt | : | LILAMA.TESTING |
| Biểu tượng công ty | : |  |
| Trụ sở chính | : | 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn- Huyện Từ Liêm- TP Hà Nội |
| Điện thoại | : | (84-4) 3554 3839 |
| Fax | : | (84-4) 3554 3790 |
| Website | : | http://www.lilamatesting.com.vn |
| Số đăng ký kinh doanh | : | 0103003803 |
| Ngày cấp | : | 13/3/2008 |
| Đơn vị cấp | : | Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội |
| Tài khoản số | : | 2111.0000000.122 |
| Tại | : | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội |
| Đại diện | : | Ông Hoàng Minh Phương |

Chức vụ : Tổng giám đốc
Vốn điều lệ : 13.500.000.000 đồng

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp đường dây tải điện, trạm biến thế.
- Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình.
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng: Gạch lát, tấm lợp, đá ống lát, đất đèn, ôxy, que hàn.
- Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Tư vấn thiết kế điện dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm.
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hoà không khí.
- Thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện, đo lường, điều khiển hệ thống truyền tải điện đến 500KV.
- Thí nghiệm, kiểm định cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ của các nhà máy công nghiệp.
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và chân không; Kiểm tra xử lý nhiệt luyện các mối hàn bằng kim loại (PWHT).
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì thang máy và hệ thống chống cháy.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

1.3.1 Quá trình hình thành và phát triển

Với tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau đây gọi tắt là Trung tâm), qua gần 30 năm phấn đấu không ngừng, Công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đã được giao thi công và tham gia thi công nhiều công trình lớn quan trọng như: Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Yaly, Nhiệt điện Phả Lại, Nhà ga T1 Sân bay Quốc tế Nội Bài, Nhiệt điện Phả Lại II, lắp đặt điện công trình B.BRAUN Hà Nội, Công trình Phú Mỹ, Hàm Thuận Đami, Na Dương, Cà Mau và gần nhất là công trình Trung tâm hội nghị Quốc gia – Mỹ Đình, Nhiệt điện Uông Bí mở rộng, Thủy Điện Sơn La, Lọc Dầu Dung Quất, Nhiệt Điện Nhơn Trạch, Xi măng Thăng Long,... Đạt được thành tích và vị trí như ngày hôm nay là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên Công ty. Chặng đường hình thành và phát triển của Công ty được đánh dấu bằng bốn mốc thời gian quan trọng: năm 1980 (thành lập Trung tâm), năm 1993 (đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện), năm 1996 (đổi tên thành Công ty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện), năm 2004 (chuyển đổi thành Công ty CP Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện) sau đó đổi tên thành Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ

Điện. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của Công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

▪ **Giai đoạn từ năm 1980 đến năm 1990:**

Thành lập Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Kỹ thuật Lắp máy theo Quyết định số 133/BXD/TCLD ngày 19/1/1980 của Bộ Xây dựng. Tại thời điểm thành lập, Trung tâm có số vốn ban đầu là 355 triệu đồng và lực lượng lao động khoảng hơn 80 người, hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập. Trung tâm có 5 phòng ban nghiệp vụ, 3 phòng nghiên cứu đơn giá định mức, 2 xưởng sản xuất thực nghiệm. Trong giai đoạn này, theo chủ trương chuyên môn hóa ngành nghề của Nhà nước trong thời kỳ bao cấp, Trung tâm còn được giao nhiệm vụ lập và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu kinh tế kỹ thuật, nghiên cứu xây dựng bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn định mức, quy trình, quy phạm kỹ thuật về công tác lắp máy.

Trong thời gian này, Trung tâm còn có nhiều khó khăn về vốn và cơ sở vật chất. Giá trị sản lượng hàng năm còn thấp, trung bình từ 500 đến 600 triệu đồng/năm. Nhưng Trung tâm vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tạo nền tảng vững chắc cho sự đi lên trong tương lai.

▪ **Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 1996:**

Trong giai đoạn này, Đảng và Nhà nước thực hiện chuyển đổi kinh tế trong nước sang cơ chế mới, xóa bỏ bao cấp, xóa bỏ chuyên môn hóa theo ngành nghề nên mô hình hoạt động của Trung tâm là không phù hợp nữa. Theo Nghị định số 338/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ngày 20/11/1990 về việc tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước theo hướng phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, Trung tâm được đổi tên thành Xí nghiệp lắp máy và Thí nghiệm cơ điện theo Quyết định thành lập số 014A/BXD-TCLD ngày 27/1/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là đơn vị trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Lắp máy, hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập.

Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp có thay đổi với 5 phòng ban nghiệp vụ và các tổ đội sản xuất, đứng đầu là giám đốc phụ trách toàn bộ các xí nghiệp, 2 phó giám đốc và 5 trưởng phòng phụ trách các phòng ban và các đội trưởng quản lý các tổ đội theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chức năng của xí nghiệp được mở rộng bao gồm: xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, kiểm tra hiệu chỉnh, thí nghiệm thiết bị cơ điện, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng,...

Về cơ cấu vốn thì vốn ban đầu của Xí nghiệp là 426 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách cấp là 188 triệu đồng, vốn tự bổ sung là 238 triệu đồng.

Thời kỳ này giá trị sản lượng của Xí nghiệp đã tăng lên xấp xỉ 1 tỷ đồng mỗi năm nhưng Xí nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn.

▪ **Từ năm 1996 đến năm 2003:**

Năm 1996, theo chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước và để phù hợp với tình hình mới, tăng quy mô hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển, Xí nghiệp Lắp máy và Thí nghiệm

Cơ điện được đổi tên thành Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện theo Quyết định số 05/BXD-TCLD ngày 2/1/1996 của Bộ Xây dựng với số vốn ban đầu là 1.507.000.000 đồng.

Công ty không ngừng được mở rộng quy mô theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước bao gồm: các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị, dịch vụ kiểm định chất lượng kỹ thuật về cơ, nhiệt, điện, áp lực, mối nối, khả năng chịu tải,... và sửa chữa cơ khí xây dựng, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (dùng tia X, tia Gamma, siêu âm,...), lắp đặt đường dây, trạm biến thế điện 35KV, nhận thầu thi công,... Công ty có thể tham gia đấu thầu trực tiếp hoặc nhận công trình do Tổng Công ty phân xuống, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phù hợp với pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Với chức năng và nhiệm vụ như trên, quy mô của Công ty ngày càng lớn hơn, Công ty ngày càng làm ăn có hiệu quả. Giá trị tổng sản lượng trung bình hàng năm đạt từ 10 đến 12 tỷ, có năm đạt 13 - 14 tỷ; Doanh thu đạt khoảng 8 đến 10 tỷ, lãi trước thuế trên 500 triệu đồng mỗi năm. Tuy những con số này chưa phải là lớn nhưng từ một doanh nghiệp có quy mô nhỏ trở thành doanh nghiệp có quy mô vừa là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Công ty, luôn tự đi lên bằng chính sức lực của chính mình.

▪ Từ năm 2004 đến nay:

Theo chủ trương đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Đảng và Nhà nước, ngày 1/1/2004, Công ty đã thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện theo Quyết định số 54/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng với số vốn điều lệ 5,6 tỷ đồng.

Công ty cổ phần Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 04 tháng 07 năm 2007, Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty thành Công ty Cổ Phần Lilama - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng. Ngày 13/03/2008 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi - Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội.

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ sư, kỹ thuật giỏi, công nhân lành nghề được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị thi công chuyên ngành tiên tiến.

Hơn 30 năm phấn đấu và trưởng thành Công ty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng các phần thưởng cao quý:



+ Huân chương lao động hạng nhất

+ Huân chương lao động hạng hai

+ Huân chương lao động hạng ba

+ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

- + Bằng khen của Bộ Xây dựng
- + Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng
- + Cờ thi đua xuất sắc ngành xây dựng
- + Bằng khen về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

1.3.2 Quá trình tăng vốn

Khi thành lập (5/3/2004): Vốn điều lệ của Công ty là 5.600.000.000 đồng;

Thực hiện tăng vốn lần 1 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 05 năm 2007 (thời gian từ 17/5 – 30/7/2007): Công ty tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng thông qua việc phát hành thêm 790.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho các đối tượng: cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên trong Công ty, nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp, cụ thể kết quả đợt phát hành như sau:

| STT | Đối tượng phát hành | Giá chào bán (đ/cp) | Số cổ phiếu chào bán | Số cổ phiếu đăng ký mua | Số cổ phiếu được phân phối | Số cổ phiếu còn lại |
|------------------|-------------------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | Cổ đông hiện hữu | 10.000 | 560.000 | 560.000 | 560.000 | - |
| | | 15.000 | 173.183 | 173.183 | 173.183 | - |
| 2 | Phát hành cho nhà đầu tư khác | 15.000 | 56.817 | 56.817 | 56.817 | - |
| Tổng Cộng | | | 790.000 | 790.000 | 790.000 | - |

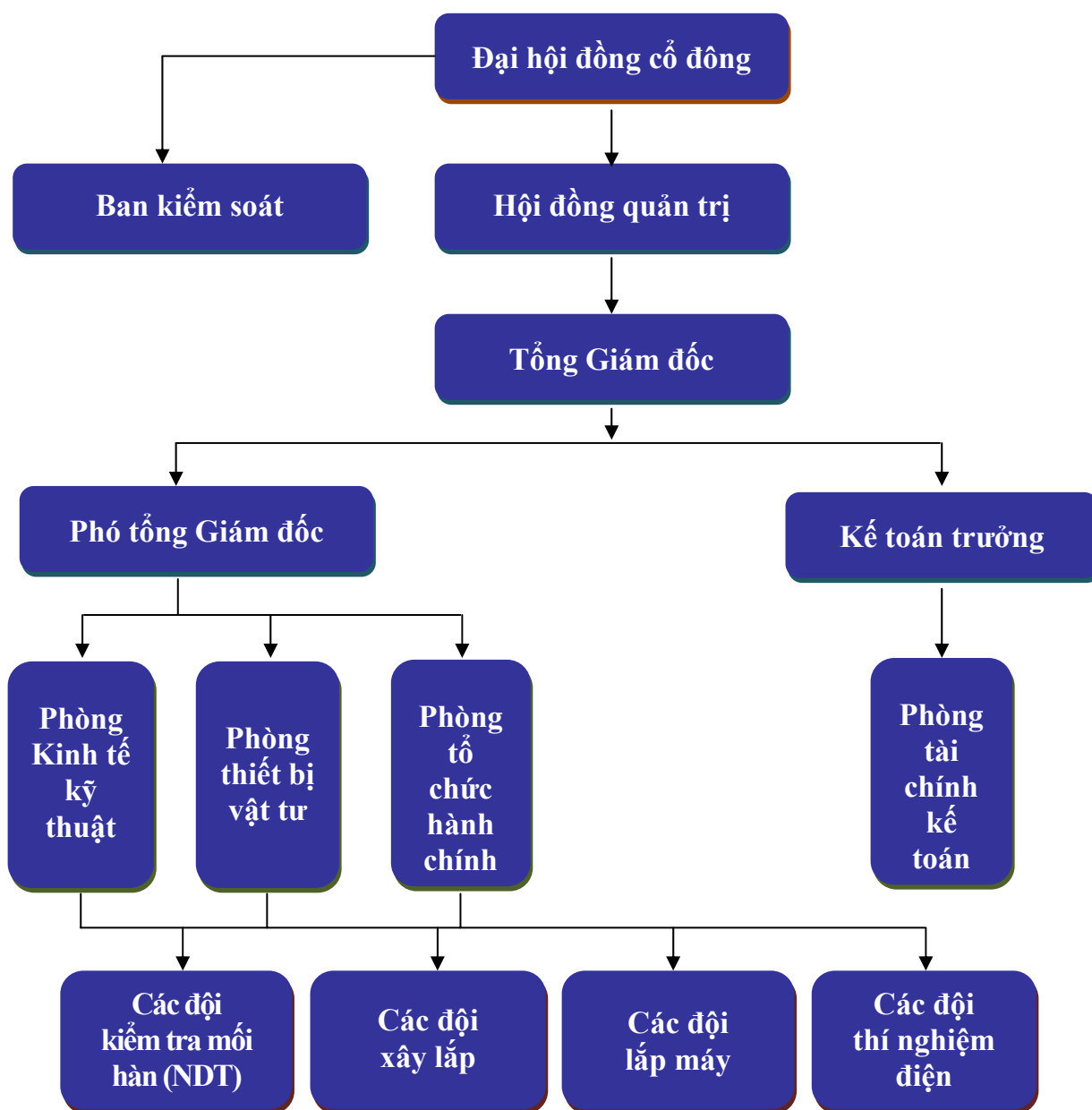
Thặng dư vốn thu được từ đợt phát hành này là 1.165.180.000 đồng.

Đợt phát hành thêm cổ phần nói trên của Công ty được thực hiện khi chưa đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán (vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng), do đó chưa tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật chứng khoán.

Ủy Ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã có công văn số 312/UBCK-TT ngày 27 tháng 1 năm 2010 yêu cầu Công ty tổ chức họp Đại hội cổ đông để báo cáo và khắc phục sai phạm của đợt chào bán nói trên. Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện đã tiến hành gửi thông báo tới tất cả các cổ đông về việc Công ty sẽ hoàn trả lại tiền mua chứng khoán cho các cổ đông mua cổ phần trong đợt phát hành trên nếu các cổ đông có yêu cầu. Đến hết thời hạn nhận đơn hoàn trả tiền của các cổ đông, Công ty không nhận được bất cứ đơn đề nghị hoàn trả lại tiền mua chứng khoán hoặc khiếu nại của các cổ đông đối với đợt phát hành trên.

Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện đã có công văn số 45/CV-Lilama.Testing ngày 15 tháng 3 năm 2010 gửi UBCKNN, mục đích báo cáo việc khắc phục sai phạm trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

3.2.1 Thành phần:

- ♦ Ông Hoàng Minh Phương - Chủ tịch
- ♦ Ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên
- ♦ Bà Vũ Thị Thúy Giang - Thành viên
- ♦ Ông Trần Văn Hưng - Thành viên
- ♦ Ông Nguyễn Mạnh Đoàn - Thành viên

3.2.2 Quyền hạn, nhiệm vụ: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty

3.3 Ban Giám đốc Công ty

3.3.1 Thành phần:

- ♦ Ông Hoàng Minh Phương - Tổng giám đốc
- ♦ Ông Nguyễn Văn Hùng - Phó Tổng giám đốc
- ♦ Ông Hoàng Văn Lít - Phó Tổng giám đốc
- ♦ Nguyễn Mạnh Đoàn - Phó Tổng Giám đốc

3.3.2 Quyền hạn, nhiệm vụ: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty

3.4 Ban kiểm soát

3.4.1 Thành phần:

- ♦ Ông Nguyễn Mạnh Hưởng - Trưởng ban
- ♦ Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên
- ♦ Ông Lương Văn Khải - Thành viên

3.4.2 Quyền hạn, nhiệm vụ: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.

3.5 Phòng Tổ chức Hành chính

3.5.1 Thành phần:

- ♦ Ông Vũ Anh Tuấn - Trưởng phòng

3.5.2 Quyền hạn, nhiệm vụ:

- ♦ Là phòng ban trung gian gắn kết hoạt động của các phòng ban khác trong Công ty, thừa lệnh Tổng giám đốc Công ty để thực hiện các công tác chuyên môn nghiệp vụ.
- ♦ Đề nghị với Tổng giám đốc Công ty về cơ cấu, mức lương, mức thưởng và hình thức kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên thuộc phòng...
- ♦ Lập phương án tổ chức, biên chế bộ máy từ Công ty đến các đơn vị thành viên, thực hiện công tác tổ chức – lao động – tiền lương, tuyển dụng và quy hoạch cán bộ.
- ♦ Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc bố trí và sắp xếp CBCNV trong Công ty thông qua việc đánh giá phẩm chất đạo đức, năng lực công tác.
- ♦ Thực hiện việc nghiệp vụ quản lý và điều động nhân sự theo lệnh của Tổng giám đốc Công ty.
- ♦ Thực hiện nghiệp vụ quản lý lao động trong toàn Công ty, hoàn thiện hồ sơ và đề xuất phương án xử lý kỷ luật đối với người lao động vi phạm kỷ luật lao động của Công ty.
- ♦ Xây dựng, cập nhật, duy trì và cải tiến các chính sách về nhân sự các quy trình liên quan đến hoạt động của Công ty; Chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục liên quan đến giải quyết các chế độ cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và Quy chế của Công ty.
- ♦ Theo dõi và kiểm soát việc trả lương, bảng tính công, tính lương hàng tháng của các phòng ban, đơn vị. Đảm bảo việc trả lương cho người lao động của các phòng ban, đơn vị đúng theo quy chế của Công ty.
- ♦ Xây dựng các tổ chức xã hội và phong trào xã hội như: tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao....
- ♦ Tham mưu cho Ban lãnh đạo giải quyết những vấn đề phát sinh, mâu thuẫn, hoặc trả lời những thắc mắc kiến nghị đối với Công ty liên quan đến vấn đề con người và tài sản.
- ♦ Soạn thảo các văn bản theo quy định của Pháp luật, theo yêu cầu công việc của phòng; Quản lý công văn đến, công văn đi và các tài liệu có liên quan trong Công ty; sắp xếp và quản lý, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý toàn bộ văn bản, tài liệu lưu hồ sơ Công ty...
- ♦ Quản lý sử dụng con dấu theo đúng quy trình và kiểm tra theo dõi thường xuyên, không đóng dấu nếu kiểm tra có sai phạm và phải báo cáo với Ban lãnh đạo, và yêu cầu sửa chữa.
- ♦ Mua sắm văn phòng phẩm cho Công ty, quản lý và sửa chữa trang thiết bị văn phòng, theo dõi và cập nhật tình trạng thiết bị máy móc văn phòng của Công ty...

- ♦ Thực hiện công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong toàn Công ty.
- ♦ Chăm sóc, quét dọn bảo đảm khuôn viên Công ty gọn gàng, sạch sẽ.
- ♦ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về những việc mình làm.

3.6 Phòng Kế toán Tài chính

3.6.1 Thành phần:

- ♦ Bà Vũ Thị Thúy Giang - Kế toán trưởng

3.6.2 Quyền hạn, nhiệm vụ:

- ♦ Được lưu giữ các chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các giấy tờ liên quan đến công tác hạch toán kế toán...
- ♦ Đề nghị với Tổng giám đốc Công ty về cơ cấu, mức lương, mức thưởng và hình thức kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên thuộc Phòng...
- ♦ Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện công tác tài chính – kế toán.
- ♦ Làm công tác hạch toán kế toán, báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước.
- ♦ Phòng kế toán phải lập kế hoạch báo cáo dự trù kinh phí hàng tháng, hàng quý, hàng năm trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.
- ♦ Bám sát các kế hoạch sản xuất kinh doanh để chủ động thanh quyết toán các hợp đồng theo đúng với nội dung của hợp đồng, không được trái với chế độ kế toán thống kê và nguyên tắc thanh quyết toán của Nhà nước và Điều lệ Công ty.
- ♦ Tính toán, tổng hợp và ghi chép số liệu về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- ♦ Phải phối hợp kịp thời và thường xuyên với các phòng ban để đánh giá hiệu quả kinh doanh dịch vụ, giá thành, tìm ra những khâu thất thoát, yếu kém trong quản lý kinh doanh. Từ đó đề nghị với Tổng giám đốc Công ty có biện pháp điều chỉnh kịp thời.
- ♦ Phải thiết lập hệ thống phương pháp quản lý và thống nhất các bảng biểu báo cáo trình Tổng giám đốc - Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, làm cơ sở để quản lý. Trong quá trình thực hiện để phù hợp với tính năng động của Công ty mà vẫn đảm bảo được chế độ quản lý chặt chẽ, đề nghị liên tục cải tiến, đổi mới phương pháp, mọi thay đổi phương pháp quản lý đều phải được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.
- ♦ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về những việc mình làm.

3.7 Phòng Kinh tế Kỹ thuật

3.7.1 Thành phần:

- ♦ Ông Lương Văn Khải - Trưởng phòng
- ♦ Ông Nguyễn Thành Đại - Phó phòng

3.7.2 Quyền hạn, nhiệm vụ:

- ♦ Được lưu giữ thiết kế kỹ thuật và các văn bản điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, Hợp đồng kinh tế và các tài liệu khác có liên quan để làm cơ sở điều hành hoạt động theo chức năng.
- ♦ Đề nghị với Tổng giám đốc Công ty về cơ cấu, mức lương, mức thưởng và hình thức kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên thuộc phòng...
- ♦ Lập và trình duyệt các dự án đầu tư và thực hiện các công việc tiếp theo của dự án: Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu, xét thầu và trình duyệt nhà trúng thầu, Lập biện pháp thi công, tiến độ thi công cho các hạng mục công trình (từ lúc khởi công cho đến lúc hoàn thành công trình), lập hồ sơ hoàn công công trình.
- ♦ Lập kế hoạch và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý và năm.
- ♦ Lập và trình duyệt các đơn giá, dự toán các công trình.
- ♦ Dự thảo các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng với thầu phụ, Hợp đồng giao khoán công trình... trình Tổng giám đốc Công ty.
- ♦ Phải xác nhận khối lượng, chất lượng của các đơn vị thi công làm cơ sở tạm ứng tiền lương và thanh quyết toán công trình và thanh lý hợp đồng.
- ♦ Lập các biện pháp thi công theo phân cấp quản lý của Công ty, hỗ trợ kỹ thuật cho các công trình.
- ♦ Chỉ đạo các đơn vị thi công, làm theo đúng thiết kế hoặc thiết kế sửa đổi, đảm bảo kỹ thuật và tiến độ đã được lập, cũng như các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.
- ♦ Liên tục kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả của các đơn vị thi công, bằng phương pháp so sánh với định mức, so sánh với giá thành của hợp đồng để tìm ra đơn vị thi công làm ăn có hiệu quả và ở mức nào, làm cơ sở đề nghị với Tổng giám đốc có biện pháp điều chỉnh theo hướng có lợi nhất cho hợp đồng giao khoán và có biện pháp phòng ngừa.
- ♦ Phối hợp và đôn đốc với các đơn vị thi công thực hiện việc thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư.
- ♦ Tổ chức huấn luyện an toàn lao động bước 1, cấp phát trang bị bảo hộ lao động cho người lao động, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn lao động, đảm bảo việc thực hiện nội quy an toàn lao động, biện pháp an toàn thi công đã được duyệt.
- ♦ Chủ trì xử lý các vụ việc tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố kỹ thuật trong Công ty.
- ♦ Chủ động tìm kiếm việc làm, lập hồ sơ dự thầu và tham gia đấu thầu các công trình, dự án.

- ♦ Chủ trì hoặc hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong việc nghiên cứu và làm hồ sơ khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.
- ♦ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về những việc mình làm..

3.9 Phòng Thiết bị vật tư

3.9.1 Thành phần:

- ♦ Ông Nguyễn Mạnh Đoàn - Quyền Trưởng phòng

3.9.2 Quyền hạn, nhiệm vụ:

- ♦ Được lưu giữ Hồ sơ, tài liệu, Hợp đồng kinh tế và các tài liệu khác có liên quan để làm cơ sở điều hành hoạt động theo chức năng.
- ♦ Đề nghị với Tổng giám đốc Công ty về cơ cấu, mức lương, mức thưởng và hình thức kỷ luật đối với nhân viên thuộc Phòng.
- ♦ Quản lý và mua sắm vật tư, phương tiện, dụng cụ thi công phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.
- ♦ Thu thập thông tin về giá cả, số lượng, chất lượng vật tư từ các nhà cung cấp sẵn có hoặc tìm mới để lập kế hoạch thu mua trình lãnh đạo phê duyệt. Tiến hành mua vật tư hàng hoá theo đúng trình tự được quy định khi đã được lãnh đạo Công ty đồng ý.
- ♦ Cung cấp vật tư từ kho Công ty cho các đơn vị thi công, thu hồi vật tư từ các công trình về kho Công ty khi vật tư không sử dụng đến hoặc khi công trình đã hoàn thành.
- ♦ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc bộ phận vật tư, thiết bị của Công ty trên các công trường về việc giao nhận, quyết toán vật tư, thiết bị do chủ đầu tư cấp.
- ♦ Kiểm kê, tiếp nhận, kiểm tra hàng nhập kho về chất lượng, số lượng, chủng loại, bố trí sắp xếp bảo quản, xuất hàng một cách khoa học và phù hợp với điều kiện của Công ty, lập hồ sơ sổ sách theo dõi việc nhập và xuất hàng hoá.
- ♦ Thực hiện chế độ kiểm kê và báo cáo định kỳ theo quy định.
- ♦ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về những việc mình làm.

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn cổ phần của Công ty tính tới thời điểm 16/8/2010 là 13.500.000.000 đồng được chia thành 1.350.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

4.1 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 16/8/2010

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|---------------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------|
| I | Cổ đông trong nước | 129 | 1.350.000 | 13.500.000.000 | 100 |
| 1 | Tổ chức | 1 | 699.975 | 6.999.750.000 | 51,85 |
| 2 | Cá nhân | 128 | 650.025 | 6.500.250.000 | 48,15 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 129 | 1.350.000 | 13.500.000.000 | 100 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 16/8/2010

| TT | Tên Cổ đông | Địa chỉ | Số CMTND /ĐKKD | Số CP nắm giữ (CP) | Tỷ lệ |
|----|-------------------------------|-------------------------------------|--|--------------------|--------|
| 1 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | 124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 110860, ngày 23/05/2005 do Sở KH&ĐT HN cấp | 699.975 | 51,85% |

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận kinh doanh tại thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần (5/3/2004)

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số CP Sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Thời gian hạn chế chuyển nhượng |
|-----|--------------------------------|--|--|--------------|------------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. | 124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 110860, ngày 23/05/2005 do Sở KH&ĐT HN cấp | 290.360 | 51,85 | 5/3/2004-5/3/2007 |
| 2 | Nguyễn Minh Phú | Số 50, Trần Nhật Duật, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 010427117, ngày 18/4/1996 do CA Hà Nội cấp | 10.000 | 1,78 | 5/3/2004-5/3/2007 |

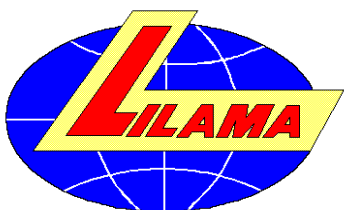
| | | | | | | |
|---|-------------------|---|--|-------|------|-----------------------|
| 3 | Hoàng Minh Phương | P411, Tổ 28, Phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội | 011763934, ngày 21/08/2001 do CA Hà Nội cấp | 6.150 | 1,10 | 5/3/2004- 5/3/2007 |
|---|-------------------|---|--|-------|------|-----------------------|

Tại thời điểm 16/8/2010, Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

5. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.**

5.1 Công ty Mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - LILAMA



Địa chỉ: 124 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: 04.38633067 - Fax: 04.3863 8104

Website: www.lilama.com.vn

Giấy ĐKKD: Số 110860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/05/2005

Tính đến thời điểm 16/8/2010, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam đang nắm giữ 51,85% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện.

5.2 Các Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

Tính đến thời điểm lập hồ sơ đăng ký niêm yết, Tổ chức niêm yết không có công ty con; công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Công ty hoạt động với các chức năng cơ bản là lắp đặt thiết bị điện; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện và kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy. Trong đó, hoạt động thí nghiệm cơ điện (như kiểm tra các mối hàn bằng phương pháp không phá hủy và các thí nghiệm hiệu chỉnh tất cả các thiết bị điện, thiết bị tự động,... được sử dụng trong các công trình công nghiệp và dân dụng nhằm đảm bảo các thông số kỹ thuật cho quá trình sử dụng, sản xuất và vận hành) là chức năng đặc thù riêng có của Công ty trong Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Hiện tại, Công ty không chỉ tiến hành kiểm tra thí nghiệm tại các công trình do Tổng Công ty Lắp

máy, Bộ Xây dựng thi công mà còn triển khai tại các công trình do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, các Bộ khác hoặc các Tỉnh tự đảm nhiệm thi công.

♦ Hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện:

Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện thực hiện hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện với mục đích:

- Phát hiện các hư hỏng, các sai sót của thiết bị do chế tạo hay trong quá trình lắp đặt, khắc phục kịp thời để thiết bị hoạt động theo đúng thiết kế đã đề ra.
- Kiểm tra hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật, xác định các thiết bị có phù hợp với những yêu cầu kỹ thuật và thiết kế, đánh giá khả năng đưa các thiết bị đó vào hoạt động.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành thực hiện các hoạt động thí nghiệm cơ bản như: thí nghiệm máy biến áp, thí nghiệm cầu dao cao thế SF6, thí nghiệm cáp 24KV, thí nghiệm tiếp địa, thí nghiệm biến dòng điện, thí nghiệm aptomat hạ thế 1000, kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh Vôn kế, kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh ampe kế, thí nghiệm thanh cái, thí nghiệm động cơ hạ thế,...

Với mỗi hoạt động thí nghiệm cơ bản đều được hướng dẫn bởi quy trình thực hiện chi tiết nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm định kỹ thuật, kiểm tra hiệu chỉnh và thí nghiệm thiết bị. Công ty đã thực hiện công tác thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện và đưa vào vận hành thành công các Trạm biến áp và nhiều công trình lớn như Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Đa Nương, Công trình Trung tâm Hội nghị Quốc Gia, Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí mở rộng, Công trình Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất,...

Hiện nay, cùng với trang thiết bị tiên tiến, hiện đại và đội ngũ, kỹ sư, công nhân lành nghề - chuyên nghiệp, Công ty đã có những tiến bộ vượt bậc với khả năng lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành chuẩn bị lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy, công trình lớn như Nhà máy Nhiệt Điện Ô môn, Nhà máy Thủy điện Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt Điện Nhơn Trạch I, Dây chuyền 2 Xi măng Bỉm Sơn, Nhà máy Sông Thao, Nhà máy Xi măng Thăng Long.

Một số công trình, dự án mà Công ty đã thực hiện:



Công trình Nhà máy Xi măng Thăng Long



Công trình Nhà máy Lọc dầu Dung Quất



Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí



Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Nhon Trạch 1

◆ Hoạt động lắp đặt thiết bị điện:

Song song với hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, các dây chuyền công nghệ, công nghiệp, Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở thế mạnh ngành nghề truyền thống của mình, tận dụng năng lực kỹ thuật sẵn có của các cán bộ, kỹ sư và trang bị máy móc, công cụ chuyên dùng để thực hiện các công trình lắp đặt thiết bị

điện với hiệu quả cao. Với hoạt động lắp đặt thiết bị điện, sản phẩm của Công ty là các công trình xây dựng, công nghiệp, dân dụng,... mang tính đơn chiếc, thực hiện theo đơn đặt hàng qua đấu thầu hoặc do Tổng công ty giao xuống. Sản phẩm được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc theo giá thỏa thuận với chủ đầu tư. Với nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động lắp đặt thiết bị điện, Công ty đã thành công trong việc lắp đặt thiết bị cơ khí cho Trạm bơm nước Yên Sở - Dự án Thoát nước Hà Nội II, lắp đặt dây chuyền công nghệ cho dự án Trạm Xử lý Nước thải Khu công nghiệp Mỹ Hào, Hưng Yên,...

♦ Hoạt động kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT).

Hiện tại, Công ty đang thực hiện kiểm tra các mối hàn bằng phương pháp không phá hủy với các hoạt động kiểm tra từ tính; kiểm tra thẩm thấu; kiểm tra chụp ảnh; kiểm tra siêu âm để phát hiện những sai sót, khiếm khuyết tại các mối hàn nhằm đảm bảo chất lượng các mối hàn theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Công ty có nhiều phương tiện kỹ thuật hiện đại chuyên dùng trong công tác kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy như: máy dò khuyết tật bằng siêu âm, từ tính; thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp Ir-192,... có đủ khả năng kiểm tra được các mối hàn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của từng dự án, công trình. Công ty đã tiến hành kiểm tra mối hàn cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy lọc dầu, các tuyến ống áp lực cao cho nhà máy thủy điện, thân máy nghiền cho nhà máy xi măng,... Chất lượng dịch vụ của Công ty luôn được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Một số công trình, dự án mà Công ty đã thực hiện:



Công trình Nhà máy Xi măng Sông Thao



Công trình Nhà máy Lọc dầu Dung Quất



Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí

Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | | Năm 2009 | | 6 tháng 2010 | |
|----------|----------|--------------|----------|--------------|--------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |

| | | | | | | |
|---|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| Hoạt động lắp đặt thiết bị điện | 17.502.795.643 | 25,76 | 15.391.612.692 | 31,21 | 1.514.551.996 | 9,75 |
| Hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện | 10.562.805.645 | 15,54 | 9.652.472.251 | 19,57 | 2.016.354.340 | 12,98 |
| Kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy | 39.893.006.124 | 58,7 | 24.271.206.536 | 49,22 | 12.006.563.838 | 77,27 |
| Tổng cộng | 67.958.607.412 | 100 | 49.315.291.479 | 100 | 15.537.470.174 | 100 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện

Trong cơ cấu doanh thu hiện tại của Công ty thì doanh thu lớn nhất là từ hoạt động kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy, chiếm gần 50% và hoạt động lắp đặt thiết bị điện chiếm hơn 30% trong tổng doanh thu năm 2009.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của từng hoạt động

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | | Năm 2009 | | 6 tháng năm 2010 | | Lợi nhuận/Tổng doanh thu năm 2009 (%) |
|---|-----------------------|--------------|----------------------|--------------|----------------------|--------------|---------------------------------------|
| | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | |
| Hoạt động lắp đặt thiết bị điện | 3.017.740.323 | 25,76 | 2.938.973.114 | 31,21 | 197.112.462 | 4,16 | 5,96 |
| Hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện | 1.821.183.608 | 15,54 | 1.843.104.878 | 19,57 | 667.213.817 | 14,09 | 3,74 |
| Kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy | 6.878.143.104 | 58,70 | 4.634.499.638 | 49,22 | 3.872.665.032 | 81,75 | 9,39 |
| Tổng cộng | 11.717.067.035 | 100 | 9.416.577.630 | 100 | 4.736.991.311 | 100 | 19,09 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện

6.2 Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện, thí nghiệm và hiệu chỉnh các thiết bị điện, nguyên vật liệu của Công ty là những mặt hàng mang tính đặc thù cao. Nguồn nguyên vật liệu của Công ty được sử dụng từ nguyên liệu sản xuất trong nước và một phần nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

- Nguyên vật liệu chính bao gồm: Dây cáp điện, thuốc, phim,... được mua phần lớn từ các nhà cung cấp trong nước. Tất cả các vật liệu đều phải đảm bảo theo đúng yêu cầu thiết kế của các công trình thi công. Các loại vật liệu này đều phải có chứng chỉ xuất xứ chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất kèm theo, trước khi đưa vào sử dụng cho công trình phải được thử

nghiệm lại cơ tính và thành phần hóa học, mác thép bởi Trung tâm kỹ thuật – Tổng cục đo lường chất lượng.

- Nguyên vật liệu phụ bao gồm: các nguồn vật liệu phụ cho công tác gia công chế tạo như que hàn, oxy, gas, dầu, mỡ...được mua tại thị trường Việt Nam và một số nước như Hàn Quốc, Trung Quốc.

Danh sách một số nhà cung cấp thiết bị thi công, nguyên vật liệu cho Công ty

| STT | Nhà cung cấp | Sản phẩm |
|-----|--|---------------------------|
| 1 | Công ty CP Sao Đại Dương | Phim, thuốc, dây điện trở |
| 2 | Công ty CP Thiết Bị và Công Nghệ Hạt Nhân NEAD | Nạp nguồn phóng xạ |
| 3 | Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Trần Phú | Dây cáp điện |

Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty đều là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp được thực hiện thường xuyên, phù hợp với từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật có chứng chỉ xuất hàng hóa rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết.

6.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

| Yếu tố chi phí | Năm 2008 | | Năm 2009 | | 6 tháng/2010 | |
|-------------------|----------------|-------|----------------|-------|----------------|-------|
| | Giá trị (đồng) | % DTT | Giá trị (đồng) | % DTT | Giá trị (đồng) | % DTT |
| Doanh thu thuần | 67.958.607.412 | 100 | 49.315.291.479 | 100 | 15.537.470.174 | 100 |
| Giá vốn hàng bán | 56.241.540.377 | 82,76 | 39.898.713.849 | 80,91 | 10.800.478.863 | 69,51 |
| Chi phí tài chính | 2.941.487.216 | 4,33 | 1.772.905.130 | 3,59 | 1.132.914.887 | 7,29 |
| Chi phí QL DN | 4.897.781.887 | 7,21 | 4.361.960.116 | 8,85 | 2.706.992.892 | 17,42 |
| Chi phí khác | 13.846.361 | 0,02 | 19.703.539 | 0,04 | - | - |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 6 tháng/2010 của Công ty

Từ bảng trên ta thấy giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí của Công ty (bình quân các năm đạt 83% so với doanh thu thuần). Tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần

liên tục giảm đáng kể qua các năm, từ 86,89% năm 2007 xuống còn 80,91% năm 2009; điều này thể hiện Công ty đã cắt giảm đáng kể chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6.4 Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện là một trong những công ty sớm áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với hoạt động đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, Công ty thực hiện theo nguyên tắc:

- ♦ Đầu tư các máy móc thiết bị đồng bộ cho từng công đoạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ♦ Công tác đầu tư phải thận trọng, đúng hướng, kịp thời và có tính chất dự báo để nắm bắt thời cơ và cơ hội kinh doanh.
- ♦ Trong quá trình mua sắm phải cân đối cho phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính, tránh tình trạng đầu tư dàn trải kém hiệu quả. Không mua sắm các máy móc thiết bị thi công mà Công ty có đủ năng lực tự thiết kế, chế tạo, đảm bảo chất lượng và giá thành.

Hiện tại Công ty đang sử dụng một số loại máy móc thiết bị hiện đại, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn cho hoạt động kinh doanh, đủ tiêu chuẩn để thực hiện nhiều dự án lớn.

Máy móc thiết bị của Công ty

| Số TT | Tên máy móc thiết bị | Số máy | Năm bắt đầu SD | Nước SX | Số lượng |
|-------|---|----------------|----------------|------------|----------|
| 1 | Tời điện LX 1,25T 224 BT2 | 810180 | 1993 | Liên Xô | 1 |
| 2 | Tời điện LX 3,2T 1M -3,2 | 15107 | 1993 | Liên Xô | 1 |
| 3 | Tời điện LX 3,2T 1M -3,2 | 15109 | 1993 | Liên Xô | 1 |
| 4 | Kìm ép thủy lực | 38A | 1996 | | 1 |
| 5 | Bàn cân thử áp lực | 1743 | | | 1 |
| 6 | Máy chạy ren ống chạy điện SQ | 1276 | 12/30/2003 | Trung Quốc | 1 |
| 7 | Máy phát điện | 7381350 | 1999 | | 1 |
| 8 | Bút thử điện cao thế VATM-36 | 915045 | 3/21/2001 | Pháp | 1 |
| 9 | Máy thử điện cao thế AUB -70 | 270 | 12/31/2003 | Liên Xô | 1 |
| 10 | Máy hàn 1 chiều GOLD Seat 320 | 150284 | 1999 | Mỹ | 1 |
| 11 | Máy hàn TIC-300 | 414 | 12/29/2003 | Hàn Quốc | 1 |
| 12 | Máy hàn TIC-AC-300 | 902899 | 12/31/2003 | Mỹ | 1 |
| 13 | Máy kiểm tra kim loại bằng từ tính | 00Y018 | 1999 | Mỹ | 1 |
| 14 | Máy dò khuyết tật bằng kim loại | 3063a 3056a | 11/15/2006 | Đức | 2 |
| 15 | Máy siêu âm Krauteackusk | 8119 | 1997 | Đức | 1 |
| 16 | Máy kiểm tra khuyết tật kim loại bằng siêu âm Krautkraner USM -35 X DAC trộn bộ | 4902a 4917 | 12/7/2007 | Đức | 2 |
| 17 | Máy kiểm tra kim loại bằng từ tính | 921 | 1999 | Mỹ | 1 |

| | | | | | |
|----|--|---|------------|----|---|
| 18 | Máy kiểm tra khuyết tật kim loại bằng từ tính | NW 1886 | 2/6/2007 | Mỹ | 1 |
| 19 | Máy dò khuyết tật bằng siêu âm | 1430 | 22/12/08 | | 1 |
| 20 | Nguồn phóng xạ HC IR 192 | 4318 | 1998 | Mỹ | 1 |
| 21 | Nguồn phóng xạ HC IR 192 | B3523 | 9/21/1998 | Mỹ | 1 |
| 22 | Nguồn phóng xạ HC IR 192 | B3973 | 11/17/1999 | Mỹ | 1 |
| 23 | Nguồn phóng xạ HC IR 192 | B5200 | 5/5/2000 | Mỹ | 1 |
| 24 | Nguồn phóng xạ HC IR 192 | S1665 | 12/31/2003 | Mỹ | 1 |
| 25 | Nguồn phóng xạ gam ma IR 192 SIG - 880 trọn bộ | S 2912, S 2905 | 11/16/2006 | Mỹ | 2 |
| 26 | Nguồn phóng xạ IR 192 | D3076 D3078 | 4/5/2007 | Mỹ | 2 |
| 27 | Nguồn phóng xạ IR 192 | D3074 | 4/5/2007 | Mỹ | 1 |
| 28 | Nguồn phóng xạ ga ma IR 192 | D3162 | 6/15/2007 | Mỹ | 1 |
| 29 | Nguồn phóng xạ ga ma IR 192 | D3092 D3095 D3137 D3160 D3163 | 6/25/2007 | Mỹ | 5 |
| 30 | Đồng hồ đo liều phóng xạ hiện số | 14422 15327 15328 15329 15330 | 9/5/2007 | Mỹ | 5 |
| 31 | Đồng hồ đo liều phóng xạ hiện số | 15332 15333 15334 15335 | 5/30/2007 | Mỹ | 4 |
| 32 | Đồng hồ đo liều phóng xạ tia X và tia hiện số InSpectr | 15337 15539 15547 15939 | 11/10/07 | Mỹ | 4 |
| 33 | Đồng hồ đo liều bức xạ | 7152 | 2000 | Mỹ | 1 |
| 34 | Đồng hồ đo liều bức xạ | 7153 | 2000 | Mỹ | 1 |
| 35 | Đồng hồ đo liều bức xạ | 9892 | 12/31/2003 | Mỹ | 1 |
| 36 | Đồng hồ đo liều phóng xạ hiện số Inspector | 16491 16492 16493 16494 | 7/1/2008 | | 4 |
| 37 | Đồng hồ đo liều phóng xạ hiện số Inspector | 14424 16772 16773 16775 16776 16777 | 3/19/2008 | Mỹ | 6 |

| | | | | | |
|----|--|---|------------|------|----|
| 38 | Đồng hồ đo liều phóng xạ hiện số Inspector | 16836 16857 16646 16778 16642 16865 16832 16858 16861 16641 | 11/4/2008 | Mỹ | 10 |
| 39 | Đồng hồ đo liều phóng xạ | 16984 | 9/7/2008 | Mỹ | 1 |
| 40 | Đồng hồ đo và tự ghi nhiệt độ | EH07ZA86 | 6/11/2008 | Nhật | 1 |
| 41 | Đồng hồ đo liều phóng xạ Inspector | 16983 16988 16989 16991 16992 | 7/31/2008 | Mỹ | 5 |
| 42 | Máy đo độ đen 301X | 5360 | 1998 | Mỹ | 1 |
| 43 | Máy đo độ đen LCD-201 | 231002 | 9/2/2004 | | 1 |
| 44 | Môđun đo độ đen WIL NOS- LCD 01 | 231202 46 47 48 | 1/4/2008 | Đức | 3 |
| 45 | Thiết bị đo độ đen WIL NOS LCD -301 | 231202 25/7 26/7 27/7 28/7 | 5/25/2007 | Đức | 4 |
| 46 | Máy đọc phim SB-900X | 1390-90 | 1999 | | 1 |
| 47 | Máy đọc phim SB-900X | 115382 | 1998 | | 1 |
| 48 | Đèn soi phim VVILNOS | 201402 | 9/2/2004 | Đức | 1 |
| 49 | Đèn soi phim VVILNOS | 2014021 S0176 S0177 S0178 | 1/4/2008 | | 3 |
| 50 | Máy đọc phim XQ WIL NOS 220V - 1250VA | 2014021 SD146 SD147 SD148 SD150 | 5/25/2007 | Đức | 4 |
| 51 | Đầu colimator 828 | | 12/31/2003 | Mỹ | 1 |
| 52 | Đầu colimator 827 | | 12/31/2003 | Mỹ | 2 |
| 53 | Bộ chuẩn trực(Colimeter) | | 11/26/2007 | | 2 |
| 54 | Máy thử độ cứng sách tay | 33412330 | | | 1 |
| 55 | TB đo độ cứng sách tay | 281529 281313 | 2/28/2004 | | 2 |

| | | | | | |
|----|---------------------------------------|--|------------|------------|---|
| 56 | Máy thử độ cứng sách tay Model TH-130 | A 122706390 | 11/8/07 | Trung Quốc | 1 |
| 57 | Máy đo độ cứng xách tay Model THL-300 | T 0102 | 10/16/2007 | Trung Quốc | 1 |
| 58 | Máy thử độ cứng sách tay Model TH-130 | A 122708580 | 12/4/2008 | Trung Quốc | 1 |
| 59 | TB đo nhiệt độ từ xa | 3056724 | 2/28/2004 | | 1 |
| 60 | TB đo độ rung cầm tay | 8935558 | 2/28/2004 | | 1 |
| 61 | Máy kiểm tra rò rỉ | 102744 | 8/4/2005 | | 1 |
| 62 | Thiết bị xử lý nhiệt | A4273 A4263 | 11/18/2005 | | 2 |
| 63 | Thiết bị nhiệt luyện mỗi hàn | AT1012 AT 1011 | 11/15/2006 | Anh | 2 |
| 64 | Máy hiệu chuẩn v/m FL | 9031075 9044017 9031023 9044008 | 5/1/2006 | | 4 |
| 65 | Máy hiệu chuẩn v/m FL | 9031001 9044007 | 9/1/2006 | | 2 |
| 66 | Máy khoan từ | 4E+09 | 7/21/2006 | | 1 |
| 67 | Máy đo điện trở tiếp xúc | 40165 | 11/14/2006 | Mỹ | 1 |
| 68 | Máy đầm cóc MIKASA MT 55 | M3073 | 1/24/2005 | | 1 |
| 69 | Máy đầm cóc MIKASA MT 55 | M3079 | 3/23/2005 | | 1 |
| 70 | Máy thử từ tính | 11620 | 4/1/2007 | | 1 |
| 71 | Máy thử từ tính Model ES-X | 11619 | 10/28/2007 | Mỹ | 1 |
| 72 | Máy thử từ tính Model ES-X | 12462 12463 12464 | 10/28/2007 | Mỹ | 3 |
| 73 | Máy cắt bê tông MIKASA MCD L14 | 3337 | 3/26/2008 | Nhật | 1 |
| 74 | Máy in số cấp MAX.LM 380A | 08317132L | 4/28/2008 | Nhật | 1 |
| 75 | Máy thử cao thế AUB-70 | 00513 | 5/17/2008 | Liên xô | 1 |
| 76 | Mê gôm mét Model : CA 6545 | 140742 EOH | 10/7/2008 | Pháp | 1 |
| 77 | Thiết bị hút chân không | T75329 T57334 | 10/28/2007 | | 2 |
| 78 | Bộ đo ghi nhiệt độ kiểu EH -100-12 | EH076(A122 A124 A125 A129) | 1/8/2007 | Nhật | 4 |
| 79 | Bộ đo ghi nhiệt độ kiểu EH -100-12 | EH076A 126 EH 076A 127 | 3/12/2007 | | 2 |
| 80 | Thiết bị nhiệt luyện mỗi hàn | AT1031 AT 1032 | 10/9/2007 | Anh | 2 |

| | | | | | |
|----|--|---|------------|-------------------|---|
| 81 | Thiết bị nhiệt luyện mối hàn | AT1037 AT 1038 | 10/9/2007 | Anh | 2 |
| 82 | Thiết bị nhiệt luyện mối hàn | A4279 | 10/11/2007 | | 1 |
| 83 | Bộ tay quay điều khiển cáp dài 35 feet | RA 1871 | 10/14/2007 | TQ | 1 |
| 84 | Bàn quay điều khiển nguồn có cáp dài 25feet | | 11/26/2007 | | 6 |
| 85 | Máy Kiểm tra Role 1 Pha: SMC PTE - 100C | 107729 | 9/4/2009 | Tây Ban Nha | 1 |
| 86 | Máy hiệu chuẩn vm/mA Fluke - 715 | | 7/14/2009 | Mỹ | 3 |
| 87 | Máy dò khuyết tật bằng siêu âm | 1876 | 30/11/05 | | 1 |
| 88 | Bộ thiết bị gia nhiệt và xử lý nhiệt sau khi hàn | AT 1088 AT 1095 | 10/1/08 | Anh | 2 |
| 89 | Thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp dùng nguồn Ir-192 | D3588 D3591 D3575 D3578 | 10/1/08 | Anh | 4 |
| 90 | Bộ thiết bị gia nhiệt và xử lý nhiệt sau khi hàn | 2293 2316 2317 2319 2323 | 24/6/08 | | 5 |
| 91 | Thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp dùng nguồn Ir-192 | S4393 S4394 S4407 S4408 S4420 S4421 | 28/6/08 | | 6 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở tích cực đầu tư nâng cao trình độ công nghệ và nhân lực, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý; Công ty định hướng chú trọng vào lĩnh vực thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, lắp đặt thiết bị điện và kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy, là những lĩnh vực kinh doanh truyền thống và là thế mạnh của Công ty. Với định hướng đó, Công ty đã tiến hành lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện và kiểm tra mối hàn cho nhiều nhà máy, công trình, dự án lớn được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ thực hiện.

6.6 Nhân hiệu thương mại

Trải qua quá trình hoạt động, Công ty đã để lại uy tín với các đối tác trong và ngoài nước với hàng trăm công trình, hạng mục công trình công nghiệp dân dụng quan trọng của quốc gia. Những thành quả đó đã tạo niềm tin vững chắc đối với chủ đầu tư, nhờ đó ngày càng củng cố tên tuổi cũng như vị thế của Công ty trong ngành và trong nền kinh tế quốc dân. Hiện nay, Công ty sử dụng nhãn hiệu của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam là một thương hiệu mạnh trong ngành xây dựng cơ bản.

**LILAMA TESTING****6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành triển khai, nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực tế hiện tại ở các phòng ban, các ban chỉ đạo, đội thi công và các bộ phận liên quan để từ đó áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2000.

Công tác quản lý chất lượng được áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 từ cấp Công ty đến cấp đội công trình. Trong và sau mỗi công trình hay một dự án đầu tư thì những bộ phận chịu trách nhiệm thi công và chủ các dự án đều phải thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng công trình dựa trên những tiêu chuẩn mà chủ đầu tư đặt ra. Do vậy đảm bảo cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị và lắp đặt thiết bị điện có chất lượng cao với thời gian nhanh nhất.

6.8 Tình hình thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty chủ yếu là khu vực Miền Bắc và miền Trung, trong đó lớn nhất là tại Khu vực miền Trung chiếm 50,95% thị phần của Công ty năm 2009, tiếp theo là khu vực miền Bắc, chiếm 43,61% thị phần, Ngoài ra Công ty còn có thị phần tại khu vực miền Nam với tổng thị phần là 5,44%.

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt từ khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới thì nhu cầu về đầu tư các dự án, công trình, nhà máy điện,...ngày càng cao. Do đó, Công ty có nhiều cơ hội phát triển hơn nữa vì thị trường vẫn còn rất tiềm năng. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch mở rộng thị phần sang các khu vực khác, nhưng tập trung chủ yếu tại khu vực miền Bắc và Miền Trung.

Khu vực Miền Bắc và Miền Trung là những khu vực ngày càng thu hút được sự chú ý của các nhà đầu tư trong và ngoài nước và được xem là khu vực có tiềm năng phát triển cao về nhu cầu xây dựng, lắp đặt các nhà máy, thiết bị, khi đó nhu cầu về hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh và lắp điện thiết bị điện sẽ không ngừng gia tăng... ; đây chính là lĩnh vực kinh doanh thuộc thế mạnh của Công ty.

6.9 Hoạt động marketing

Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động marketing. Phòng kế hoạch vật tư có nhiệm vụ nghiên cứu thông tin thị trường nguyên vật liệu và thông tin liên quan, xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn, phát

triển thương hiệu, tiếp cận thông tin từ khách hàng, tập hợp nghiên cứu và trực tiếp giải quyết các ý kiến của khách hàng.

Chất lượng sản phẩm, dịch vụ là một trong những tiêu chí hàng đầu tạo nên thương hiệu của Công ty. Vì vậy chất lượng sản phẩm, dịch vụ luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong mọi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi ý kiến phản hồi từ phía khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của Công ty đều được Công ty tiếp thu và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Giá thầu thực hiện các công trình của Công ty luôn ở mức cạnh tranh so với các Công ty trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng tìm kiếm, liên kết với những đối tác có uy tín trong lĩnh vực cung cấp vật liệu cho các công trình của Công ty, từ đó giúp Công ty không những giảm được giá thành mà còn đảm bảo chất lượng thi công của các công trình.

Bên cạnh đó, Công ty luôn củng cố uy tín và quảng bá rộng rãi hình ảnh của mình thông qua việc công bố trên trang Web của Công ty về các hoạt động, dịch vụ cũng như về các kết quả, thành tựu đã đạt được của Công ty.

6.10 Một số công trình lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết

Đơn vị: triệu VNĐ

| STT | Tên công trình | Giá trị hợp đồng | Thời gian thi công | Chủ đầu tư |
|-----|---|------------------|--------------------|--------------------------------|
| 1 | Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí mở rộng 300 MW | 54.000 | 2003-2007 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 2 | Trung tâm Hội nghị Quốc Gia | 20.955 | 2006-2007 | Bộ Xây Dựng |
| 3 | Nhà máy Xi măng Sông Thao | 2.813 | 2005-2008 | Nhà máy Xi măng Sông Thao |
| 4 | Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch | 1.111 | 2006-2008 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 5 | Trạm biến áp 110KV Lục Ngạn, Bắc Giang | 3.511 | 2004-2009 | Công ty Điện Lực 1 |
| 6 | Trạm biến áp 110KV Lục Ngạn, Bắc Giang | 3.511 | 2004-2009 | Công ty Điện Lực 1 |
| 7 | Nhà máy Nhiệt Điện Ômôn | 7.284 | 2006-2009 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 8 | Nhà máy Xi măng Cẩm Phả | 1.226 | 2007-2009 | Nhà máy Xi măng Cẩm Phả |
| 9 | Nhà máy Xi măng Hải Phòng | 591 | 2007-2009 | Nhà máy Xi măng Hải Phòng |

| | | | | |
|----|---|--------|-----------|---------------------------------|
| 10 | Trạm Xử lý nước Thải Khu công nghiệp Mỹ Hảo – Hưng Yên | 2.296 | 2008-2009 | Công ty TNHH EBARA Việt Nam |
| 11 | Nhà máy Nhiệt Điện Ấn độ | 753 | 2006-2010 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 12 | Nhà máy Lọc dầu Dung Quất gói 2&3 | 46.973 | 2007-2010 | Tổ hợp nhà thầu Technip |
| 13 | Nhà máy Lọc dầu Dung Quất gói 1&4 | 55.027 | 2007-2010 | Tập đoàn Dầu Khí |
| 14 | Nhà máy Thủy Điện Sơn La | 2.513 | 2008-2010 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 15 | Nhà máy Thủy Điện Đồng Nai | 3.457 | 2008-2010 | Tổng công ty Điện lực Việt nam |
| 16 | Nhà máy Xi măng Thăng Long HD1625 | 3.226 | 2009-2010 | Công ty CP Xi măng Thăng Long |
| 17 | Nhà máy Xi măng Bim Sơn | 5.499 | 2009-2010 | Nhà máy Xi măng Bim Sơn |
| 18 | Nhà máy Xi măng Hạ Long | 1.327 | 2009-2010 | Nhà máy Xi măng Hạ Long |
| 19 | Công trình Hệ thống cấp khí cho nhà máy Đạm Cà mầu | 606 | 2010-2011 | Công ty TNHH Yokawa |
| 20 | Nhà máy chế biến Cacbonat Canxi | 5.880 | 2010-2011 | Công ty CP Đá Trắng Yên Bình |
| 21 | Trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH Điện tử Meko Việt Nam | 923 | 2010-2011 | Công ty TNHH Ebara Việt Nam |
| 22 | CT Cung cấp dịch vụ Xử lý Nhiệt Cúm chi tiết | 1.715 | 2010-2011 | Công ty CP Xây lắp 1 Petrolimex |
| 23 | Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng | 50.000 | 2010-2012 | Tập đoàn Điện Lực |
| 24 | Nhà máy Thủy điện An Khê Kanak | 645 | 2010-2012 | Tập đoàn Điện Lực |
| 25 | Công trình Thủy Điện A Lưới | 543 | 2010-2012 | Tập đoàn Điện Lực |

Nguồn: Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

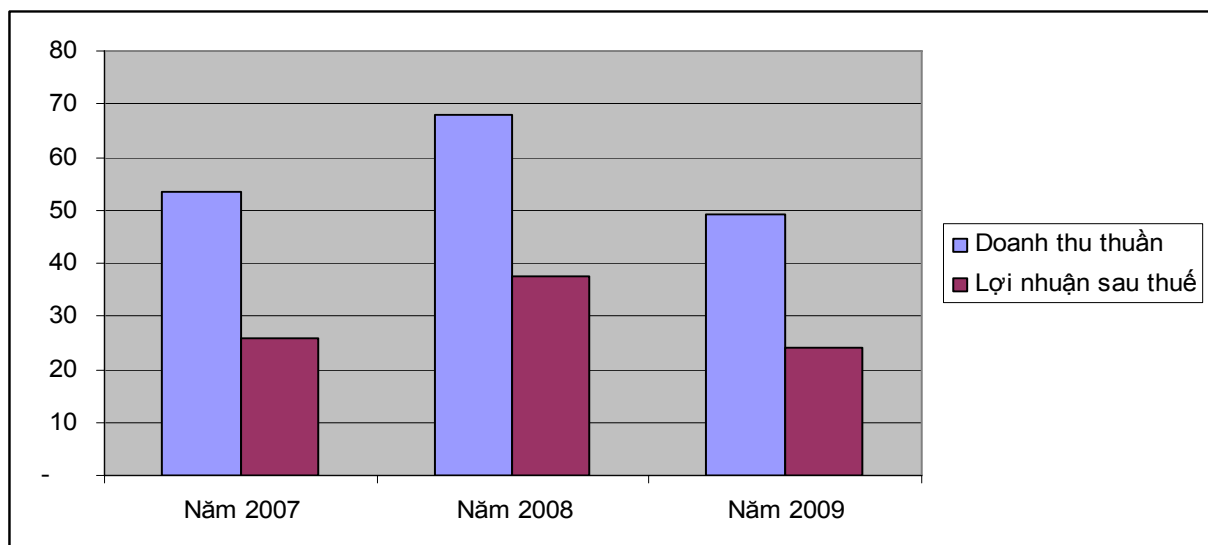
7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | % tăng giảm 2009/2008 | 6 tháng/2010 |
|---|----------------|----------------|----------------|-----------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 48.513.647.391 | 58.640.722.032 | 62.329.407.534 | 6,29 | 58.014.189.694 |
| Doanh thu thuần | 53.582.878.100 | 67.958.607.412 | 49.315.291.479 | (27,43) | 15.537.470.174 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 2.706.134.680 | 3.942.719.283 | 3.317.840.541 | (15,85) | 932.248.210 |
| Lợi nhuận khác | 303.627.358 | 442.911.259 | (3.928.539) | - | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.009.762.038 | 4.385.630.542 | 3.313.912.002 | (24,44) | 932.248.210 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.588.390.740 | 3.755.969.817 | 2.416.501.622 | (35,66) | 699.186.157 |
| Thu nhập trên mỗi cổ phần | 2.782 | 2.782 | 1.790 | (35,66) | 517.9 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2007, 2008, 2009, BCTC 6 tháng/2010 của Công ty

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận qua các năm



7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|---|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 100% | 100% | 100% |
| Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần | 90,52% | 88,88% | 80,91% |
| Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần | 9,47% | 11,11% | 19,09% |
| Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD/Doanh thu thuần | 1,96% | 3,46% | 6,73% |

| | | | |
|------------------------------------|-------|-------|-------|
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 2,19% | 4,30% | 4,90% |
|------------------------------------|-------|-------|-------|

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2007, 2008, 2009 của Công ty

Lợi nhuận sau thuế năm 2009 giảm 35% so với năm 2008 và thấp hơn so với năm 2007. Năm 2009, các dự án thi công lớn của Công ty đều ở giai đoạn cuối, các dự án kế tiếp mới bắt đầu được triển khai, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các dự án đã thi công từ các năm trước và đang vào giai đoạn kết thúc, đồng thời thi công một số dự án của một số Công ty thành viên trong Tổng Công ty cũng như một số dự án của các công ty khác. Nhìn chung, số lượng các hợp đồng ký kết với Tổng Công ty đều có giá trị nhỏ như hợp đồng Lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy Xi măng Thăng long, Thí nghiệm điện Nhà máy Xi măng Sông Thao,... một số hợp đồng ký kết với các Công ty thành viên cũng như các Công ty ngoài Tổng công ty cũng có giá trị hợp đồng tương tự. Doanh thu năm 2009 của Công ty không chỉ thấp hơn so với năm 2008 mà còn thấp hơn so với kế hoạch kinh doanh đặt ra cho năm 2009 do có thêm một số nguyên nhân sau:

- Công trình Nhiệt Điện Uông Bí: trong quá trình công tác, đã phát sinh thêm một phần khối lượng thi công và đã được Ban dự án xác nhận. Công ty đã tiến hành lập dự toán bổ sung, tuy nhiên dự toán chưa được duyệt và khối lượng thi công phát sinh chưa được thanh toán nên Công ty chưa ghi nhận thêm vào doanh thu năm 2009.
- Công trình Thủy điện Sơn La: Là công trình thủy điện đầu tiên có công tác gia nhiệt trước, trong khi hàn và xử lý nhiệt sau khi hàn. Công ty đã phối hợp với Ban quản lý dự án để lập định mức làm cơ sở thanh toán phần việc này. Tại thời điểm cuối năm 2009, các khối lượng thi công tại công trình đã được xác nhận, tuy nhiên định mức chưa được phê duyệt nên chưa thanh toán được phần này để đưa vào giá trị doanh thu cho Công ty trong năm 2009.

Tuy giá trị sản lượng và giá trị doanh thu không đạt kế hoạch đề ra nhưng một số chỉ tiêu cơ bản vẫn đảm bảo hoặc vượt kế hoạch đặt ra như lợi nhuận trước thuế đạt 101,97%; thu nhập bình quân đạt 106,65%; chia cổ tức đạt 109,1%.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Sau 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện đã từng bước hoàn thiện mình, đầu tư mới cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố, nâng cao và phát triển đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật. Đến nay, Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chiều rộng lẫn bề sâu, khẳng định được vai trò, vị trí của đơn vị trong lĩnh vực thí nghiệm điện, trở thành một đơn vị mạnh cả về nhân sự, bộ máy và cơ sở vật chất.

Về mặt thực tiễn, Công ty đã tạo được vị thế của mình khi đã hoàn thành công tác thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành nhiều công trình lớn như Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Đa Nương, Công trình Trung tâm Hội nghị Quốc Gia, Công trình Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí

mở rộng, Công trình Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất,... đạt và vượt tiến độ yêu cầu đề ra với nhiều sáng kiến, cải tiến. Nhờ đó uy tín của Công ty ngày càng lan rộng, ngành nghề của Công ty được nhiều người biết đến, mạng lưới khách hàng vượt ra khỏi phạm vi trong Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Hiện nay, ngoài Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các đơn vị thành viên, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đơn vị thành viên trong tập đoàn, các chủ đầu tư khác ở hai miền Nam Bắc đã trở thành những khách hàng thân thuộc của Công ty. Điều này tạo cho Công ty sự tự tin trong từng chặng đường phát triển đi lên, tạo cho Công ty nhiều cơ hội mở rộng thị trường ngành nghề truyền thống cũng như sự tăng trưởng doanh thu bền vững.

Với sự tín nhiệm cao, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đã tin tưởng giao cho Công ty thi công phần việc thí nghiệm – hiệu chỉnh điện hầu hết tất cả các công trình Tổng Công ty đã tham gia làm chủ đầu tư hoặc tổng thầu. Một số công trình sau:

| STT | Tên công trình | Công suất | Tiến độ thi công | Địa điểm |
|-----|---------------------------------|------------------------|------------------|---------------------|
| 1 | Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí | 1x300MW | 2003-2007 | Quảng Ninh-Việt Nam |
| 2 | Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 | 450MW | 2006-2008 | Đồng Nai - Việt Nam |
| 3 | Nhà máy Xi măng Sông Thao | 2.500 tấn Clinker/ngày | 2005-2008 | Phú Thọ - Việt Nam |

Thuận lợi và khó khăn của Công ty:

Thuận lợi:

- Công ty có thế mạnh trong hoạt động thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện và hoạt động kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy với hơn 30 năm phát triển và trưởng thành, trải qua nhiều công trình trọng điểm cấp Nhà nước, có nhiều kinh nghiệm và bạn hàng trong và ngoài nước.
- Công ty ra đời và hoạt động trong thời điểm mà Tổng Công Ty Lắp máy Việt Nam đang trên đà phát triển trở thành một Tập đoàn kinh tế lớn với nhiều dự án được triển khai. Do đó Công ty có cơ hội được tham gia nhiều dự án của Tổng Công ty, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thí nghiệm, hiệu chỉnh và lắp đặt các thiết bị điện cũng như công tác kiểm tra mối hàn cho các dự án Nhà máy xi măng, thủy điện, nhiệt điện, lọc dầu của cả nước.
- Công ty có đội ngũ kỹ sư chuyên nghiệp, có kỹ năng quản lý, điều hành dự án cùng với nhiều người thợ có kỷ luật, tay nghề cao, đồng đều ở các lĩnh vực thí nghiệm, hiệu chỉnh; lắp đặt thiết bị điện...

- Nền kinh tế trong nước ngày càng phát triển, do đó các ngành nghề liên quan sẽ thúc đẩy nhau phát triển. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ phát huy được thế mạnh vốn có và tạo ra được những giá trị nội sinh trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Quản trị doanh nghiệp của Công ty có chiều sâu bền vững theo ISO 9001-2000, lực lượng lao động trẻ, có trình độ văn hoá cao và có tay nghề vững, là đơn vị điển hình trong ngành thí nghiệm cơ điện và xây dựng được văn hoá doanh nghiệp điển hình.

Khó khăn:

- Quy mô vốn của Công ty chưa tương xứng với kế hoạch và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh đặt ra; chưa đáp ứng đủ nhu cầu đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh của Công ty, do vậy nhiều dự án mà Công ty đã và đang thực hiện có giá trị tương đối nhỏ.
- Hiện tại, so với các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, quy mô vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện ở mức thấp nhất. Do vậy, Công ty sẽ gặp phải sự cạnh tranh từ các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam trong quá trình đấu thầu thực hiện một số dự án, công trình của Tổng Công ty.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành, sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Lĩnh vực hoạt động và định hướng hoạt động của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của nền kinh tế nói chung và của ngành thí nghiệm cơ điện nói riêng. Theo định hướng chiến lược mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 5 tháng 10 năm 2004 về phát triển nguồn điện, hệ thống lưới điện cần phải được chú trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện sinh hoạt của nhân dân, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Bên cạnh đó, theo dự báo của Viện năng lượng, tốc độ tăng trưởng điện sản xuất trong giai đoạn 2006-2010 sẽ là 16,1% và tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm cũng tương ứng 16,3%. Đây là những tiền đề rất thuận lợi để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Ngoài ra nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhu cầu về điện năng đang ngày một tăng cao. Như vậy với định hướng phát triển của ngành điện cũng như nhu cầu phát triển nội tại của nền kinh tế, triển vọng phát triển của ngành cũng như của Công ty là tương đối khả quan.

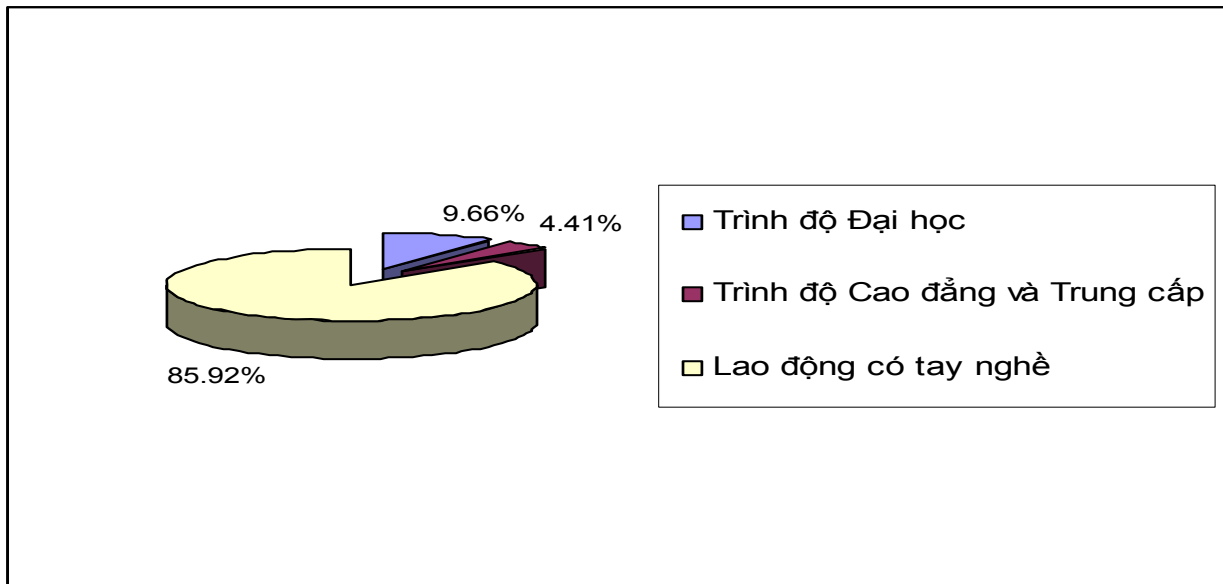
9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/3/2010 là 476 người; trong đó cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

| STT | Trình độ lao động | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------------------|------------|------------|
| 1 | Trình độ trên Đại học | - | - |
| 2 | Trình độ Đại học | 46 | 9,66 |
| 3 | Trình độ Cao đẳng và Trung cấp | 21 | 4,41 |
| 4 | Lao động có tay nghề | 409 | 85,92 |
| | Tổng cộng | 476 | 100 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện



9.2 Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ lưỡng về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng bảng lương dựa theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty, Công ty đã đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng và mạnh về chất. Công ty chú trọng bồi dưỡng, phát triển và thu hút đội ngũ trí thức, các chuyên gia có trình độ cao. Với đặc thù công việc đòi hỏi chất xám cao, Công ty luôn khuyến khích đội ngũ CBNV trau dồi kiến thức, không ngừng học hỏi, sáng tạo. Bên cạnh đó, Công ty dành những ưu đãi thích hợp và sử dụng những hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động. Công ty đã và đang áp dụng nhiều hình thức đào tạo như:

- Cử cán bộ, công nhân đi đào tạo và chịu kinh phí gửi đến các trường trong nước và ngoài nước có ngành nghề chuyên môn phù hợp theo định hướng phát triển của Công ty.
- Hỗ trợ một phần kinh phí, tạo thời gian để CBNV tự tham gia chuyên tu đào tạo.
- Hỗ trợ một phần kinh phí, và cử CBNV đi đào tạo ngoài giờ hành chính.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả Cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, và theo quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- ♦ Cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng Cổ đông.
- ♦ Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ♦ Năm 2009 Công ty trả cổ tức tỷ lệ 11,5% cho cổ đông của Công ty. Đến 30/6/2010, Công ty đã thanh toán đầy đủ cổ tức năm 2009 cho các cổ đông. Năm 2010, Công ty đặt ra kế hoạch chi trả cổ tức tỷ lệ 12,5% cho cổ đông của Công ty.

11. Tình hình Tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích lập phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

- ♦ Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- ♦ Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 203/2009/QĐ-BTC ban hành ngày 20/10/2009, cụ thể như sau:

| Nhóm tài sản | Thời gian khấu hao |
|-------------------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 20 năm |
| Máy móc thiết bị | 03 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 -12 năm |
| Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý | 03 - 8 năm |
| Tài sản cố định khác | 03 – 6 năm |
| Tài sản cố định vô hình | 10 năm |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của Công ty

Cuối kỳ Công ty kiểm kê chi tiết và lập phiếu đánh giá đầy đủ về hiện trạng, giá trị còn lại của từng tài sản cố định.

11.1.2 Tình hình công nợ hiện nay

Trong năm 2009 và tới thời điểm hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng theo quy định của pháp luật; tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan không có nợ đối với Công ty.

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | | 6 tháng/2010 | |
|---------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | Giá trị | Nợ quá hạn | Giá trị | Nợ quá hạn |
| Các khoản phải thu | 24.902.853.877 | | 20.848.109.525 | |
| Phải thu của khách hàng | 24.223.111.030 | | 18.564.215.371 | |
| Trả trước cho người bán | 274.755.455 | | 1.976.842.082 | |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | | | | |
| Các khoản phải thu khác | 474.987.392 | | 377.052.072 | |

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | | 6 tháng/2010 | |
|-------------------------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|
| Dự phòng phải thu khó đòi | (70.000.000) | | (70.000.000) | |
| Các khoản phải trả | 42.009.336.031 | | 38.972.849.481 | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 10.005.013.741 | | 7.843.636.093 | |
| Phải trả cho người bán | 1.450.415.699 | | 719.152.269 | |
| Người mua trả tiền trước | 48.759.000 | | 3.739.688.502 | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 3.717.639.039 | | 2.862.613.581 | |
| Phải trả công nhân viên | 3.247.431.600 | | 4.442.808.730 | |
| Chi phí phải trả | 14.724.126 | | 1.260.956.360 | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 12.096.301.926 | | 6.525.469.449 | |
| Phải trả dài hạn khác | | | | |
| Vay và nợ dài hạn | 10.542.622.328 | | 10.542.622.328 | |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 249.881.111 | | 249.881.111 | |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 636.547.461 | | 636.547.461 | |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 và BCTC 6 tháng/2010 của Công ty

Chi tiết một số khoản phải thu

▪ Phải thu khách hàng:

| STT | Khách hàng | Số dư (đồng) | |
|-----|----------------------------------|----------------|----------------|
| | | 30/06/2010 | 31/12/2009 |
| 1 | Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | 14.520.059.766 | 19.235.210.098 |
| 2 | Cty TNHH MTV CTTB&ĐT Hải Phòng | - | 1.082.411.000 |
| 3 | Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama | - | 632.830.000 |
| 4 | Công ty CP Lilama 5 | 208.919.253 | 747.023.406 |
| 5 | Công ty CP Lilama 10 | 16.242.000 | 16.242.000 |
| 6 | Công ty CP Lilama Hà Nội | 229.079.000 | 477.863.000 |
| 7 | Công ty CP Lilama 45-4 | 933.247.690 | 13.280.00 |
| 8 | Công ty CP Lilama 45-1 | 1.235.716.370 | 856.490.000 |
| 9 | Công ty CP Lilama 69-1 | 424.192.577 | - |

| | | | |
|----|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 11 | Đối tượng khác | 996.758.715 | 1.161.761.526 |
| | Tổng cộng | 18.564.215.371 | 24.223.111.030 |

Chi tiết một số khoản phải trả
▪ Phải trả người bán

| STT | Nhà cung cấp | Số dư (đồng) | |
|-----|---------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | | 30/06/2010 | 31/12/2009 |
| 1 | Công ty CP Lilama 7 | 97.350.000 | 97.350.000 |
| 2 | Công ty TNHH Trọng Hiền | - | 225.132.900 |
| 3 | Cty TNHH TV&DV Khoa Học Kỹ Thuật | 71.388.500 | 171.388.500 |
| 4 | Công ty TNHH SX&TM Anh Duy | 145.748.469 | 145.748.469 |
| 5 | Cty CP Thiết Bị và Công nghệ Hạt nhân | 165.283.800 | 155.316.370 |
| 6 | Trung tâm NC PT AT và MT Dầu Khí | 108.469.500 | 308.469.500 |
| 7 | Đối tượng khác | 130.912.000 | 347.009.960 |
| | Tổng cộng | 719.152.269 | 1.450.415.699 |

▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác

| Chỉ tiêu | Số dư (đồng) | |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2010 | 31/12/2009 |
| Kinh phí công đoàn | 158.373.117 | 326.554.220 |
| Bảo hiểm xã hội | 265.831.386 | 258.504.347 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (*) | 5.992.940.383 | 11.511.245.359 |
| Tổng cộng | 6.525.469.449 | 12.096.303.926 |

Chi tiết khoản (*)

| Chỉ tiêu | Số dư (đồng) | |
|--|--------------|---------------|
| | 30/06/2010 | 31/12/2009 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội thí nghiệm xi măng Bim Sơn | 786.593.305 | 596.550.942 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội lắp máy điện nước số 2 | 4.789.526 | 371.616.421 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội lắp máy điện nước số 5 | 228.483.256 | 222.254.475 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội lắp máy điện nước số 3 | 457.595.740 | 1.027.186.372 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội lắp máy điện nước số 1 | 468.019.180 | 436.337.990 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội Thí nghiệm số 1 | 754.662.664 | 1.696.486.718 |

| | | |
|--|----------------------|-----------------------|
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội Thí nghiệm số 4 | 307.467.515 | 307.467.515 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội NDT số 1 | 1.637.043.873 | 6.007.704.671 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội Lắp máy điện nước số 4 | 18.920.000 | 389.458.250 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội NDT phía Bắc | 68.238.993 | 149.671.333 |
| Tiền ứng vốn thi công cho Đội NDT số 3 | 229.210.605 | |
| Các khoản phải trả khác | 1.031.915.726 | 306.510.672 |
| Tổng cộng | 5.992.940.383 | 11.511.245.359 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

11.1.3 Mức lương bình quân

Đơn vị : 1.000 đồng

| Chỉ tiêu | 2008 | 2009 |
|-----------------------------|-------------|-------------|
| Mức lương bình quân | 3.445 | 3.674 |
| % thay đổi so với năm trước | - | 6,65 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

11.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định năm 2009

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Thù lao, khen thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có quyết định của Đại hội cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để: bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có).

Quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để: khen thưởng ban quản trị khi điều hành Công ty có hiệu quả, có những đóng góp nhất định hoặc thưởng cho người lao động đã có những nỗ lực trong công việc.

Năm 2008 và 2009, Công ty đã tiến hành trích lập các quỹ và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên năm 2009 và 2010, số dư các quỹ cụ thể như sau:

Đơn vị: VNĐ

| Các Quỹ | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/6/2010 |
|---------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 156.315.455 | 277.140.536 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 700.575.783 | 1.852.313.660 | 2.335.613.984 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (80.096.475) | 143.807.435 | - |
| Tổng cộng | 620.479.308 | 2.152.436.550 | 2.612.754.520 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán của Công ty năm 2008, 2009, BCTC 6 tháng 2010

11.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo qui định của pháp luật.

Đơn vị: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | 30/6/2010 |
|--|--------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng | 61.062.772 | 2.705.463.121 | 1.601.267.860 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 219.430.283 | 982.989.113 | 1.216.051.166 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 125.805 | 29.186.805 | 45.294.555 |
| Tiền thuê đất, thuế nhà đất | | | |
| Các loại thuế khác | | | |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | | | |
| TỔNG CỘNG | 280.618.860 | 3.717.639.039 | 2.862.613.581 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán của Công ty năm 2008, 2009, BCTC 6 tháng 2010

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Đơn vị: VNĐ

| Khoản mục | 6 tháng/2010 | Năm 2009 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| 1.Vay và nợ ngắn hạn | 7.843.636.093 | 10.005.013.741 |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội | 1.380.702.878 | 2.510.663.958 |
| - Ngân hàng NN&PTNT, CN Hà Thành | 1.803.426.365 | 6.493.989.527 |
| - Ngân hàng NN&PTNT, CN Trảng An | 4.167.738.722 | 1.000.360.256 |
| + Nợ dài hạn đến hạn trả | 491.768.128 | 1.000.360.256 |
| - Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam | 491.768.128 | 1.000.360.256 |
| 2.Vay và nợ dài hạn | 10.542.622.328 | 10.542.622.328 |
| + Vay dài hạn | 8.972.380.000 | 8.972.380.000 |
| - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | 8.972.380.000 | 8.972.380.000 |
| + Nợ dài hạn | 1.570.242.328 | 1.570.242.328 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009, BCTC 6 tháng 2010 của Công ty

Chi tiết các khoản vay năm 2009

| Stt | Tổ chức tín dụng, ngân hàng | Mục đích | Năm 2009 | | Thời gian trả nợ gốc | Thời gian trả lãi |
|-----------|--------------------------------|-------------------------|----------|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| | | | Lãi suất | Dư nợ vay (vnđ) | | |
| I | Vay và nợ ngắn hạn | | | | | |
| 1 | Ngân hàng BIDV Hà Nội | Bổ sung vốn lưu động | 10,5% | 2.510.663.958 ^(*) | Xem chi tiết ở dưới | Trả lãi cuối tháng |
| 2 | Ngân hàng NN&PTNT, CN Hà Thành | Bổ sung vốn lưu động | 10,2% | 6.493.989.527 ^(**) | Xem chi tiết ở dưới | Trả lãi cuối tháng |
| II | Vay và nợ dài hạn | | | | | |
| 1 | Tổng công ty LILAMA Việt Nam | Đầu tư máy móc thiết bị | 10,5% | 8.972.380.000 | Trả gốc cuối quý | Trả lãi cuối quý |

Chi tiết khoản vay (*)

| Stt | Số hợp đồng | Dư nợ ban đầu | Dư nợ còn lại | Ngày nhận nợ | Ngày trả nợ | Lãi suất (%/tháng) |
|-----|----------------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|
| 1 | 0140 ngày 11/09/2009 | 247.653.000 | 247.653.000 | 11/09/2009 | 11/06/2010 | 0,875 |
| 2 | 0141 ngày 11/09/2009 | 157.458.080 | 157.458.080 | 11/09/2009 | 11/06/2010 | 0,875 |
| 3 | 0142 ngày 23/09/2009 | 724.850.000 | 724.850.000 | 23/09/2009 | 23/06/2010 | 0,875 |
| 4 | 0143 ngày 08/12/2009 | 661.182.878 | 661.182.878 | 08/12/2009 | 08/09/2010 | 1 |
| 5 | 0144 ngày 31/12/2009 | 719.520.000 | 719.520.000 | 31/12/2009 | 30/09/2010 | 1 |

Chi tiết khoản vay ()**

| Stt | Số hợp đồng | Dư nợ ban đầu | Dư nợ còn lại | Ngày nhận nợ | Ngày trả nợ | Lãi suất (%/tháng) |
|-----|--------------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|
| 1 | 04 ngày 23/04/2009 | 444.805.560 | 444.805.560 | 23/04/2009 | 23/01/2010 | 0,85 |
| 2 | 05 ngày 28/04/2009 | 400.526.383 | 400.526.383 | 28/04/2009 | 28/01/2010 | 0,85 |
| 3 | 05 ngày 14/05/2009 | 106.405.000 | 106.405.000 | 14/05/2009 | 14/02/2010 | 0,85 |
| 4 | 06 ngày 27/05/2009 | 603.668.940 | 603.668.940 | 27/05/2009 | 27/02/2010 | 0,85 |
| 5 | 07 ngày 08/06/2009 | 432.820.029 | 432.820.029 | 08/06/2009 | 08/03/2010 | 0,85 |
| 6 | 08 ngày 30/06/2009 | 1.832.233.575 | 1.832.233.575 | 30/06/2009 | 30/03/2010 | 0,85 |
| 7 | 09 ngày 13/07/2009 | 722.287.070 | 7.22.287.070 | 13/07/2009 | 13/04/2010 | 0,85 |
| 8 | 10 ngày 04/08/2009 | 226.404.000 | 226.404.000 | 04/08/2009 | 04/05/2010 | 0,875 |
| 9 | 11 ngày 18/08/2009 | 298.000.000 | 298.000.000 | 18/08/2009 | 18/05/2010 | 0,875 |
| 10 | 12 ngày 16/09/2009 | 746.429.970 | 746.429.970 | 16/09/2009 | 16/03/2010 | 0,875 |
| 11 | 13 ngày 22/09/2009 | 64.100.000 | 64.100.000 | 22/09/2009 | 22/03/2010 | 0,875 |
| 12 | 14 ngày 25/09/2009 | 351.329.000 | 351.329.000 | 25/09/2009 | 25/03/2010 | 0,875 |
| 13 | 15 ngày 13/10/2009 | 105.236.000 | 105.236.000 | 13/10/2009 | 13/04/2010 | 0,875 |
| 14 | 16 ngày 29/10/2009 | 64.400.000 | 64.400.000 | 29/10/2009 | 29/04/2010 | 0,875 |
| 15 | 17 ngày 13/11/2009 | 95.344.000 | 95.344.000 | 13/11/2009 | 13/04/2010 | 0,875 |

Chi tiết các khoản vay tính đến thời điểm 30/6/2010

| Stt | Tổ chức tín dụng, ngân hàng | Mục đích | Năm 2009 | | Thời gian trả nợ gốc | Thời gian trả lãi |
|-----|--------------------------------|-------------------------|----------|--------------------------------|----------------------|--------------------|
| | | | Lãi suất | Dư nợ vay (vnđ) | | |
| I | Vay và nợ ngắn hạn | | | | | |
| 1 | Ngân hàng BIDV Hà Nội | Bổ sung vốn lưu động | 10,5% | 1.380.702.878 ^(*) | Xem chi tiết ở dưới | Trả lãi cuối tháng |
| 2 | Ngân hàng NN&PTNT, CN Hà Thành | Bổ sung vốn lưu động | 10,2% | 1.803.426.365 ^(**) | Xem chi tiết ở dưới | Trả lãi cuối tháng |
| 3 | Ngân hàng NN&PTNT, CN Trảng An | Bổ sung vốn lưu động | 12% | 4.167.738.722 ^(***) | Xem chi tiết ở dưới | Trả lãi cuối tháng |
| II | Vay và nợ dài hạn | | | | | |
| 21 | Tổng công ty LILAMA Việt Nam | Đầu tư máy móc thiết bị | 10,5% | 8.972.380.000 | Trả gốc cuối quý | Trả lãi cuối quý |

Chi tiết khoản vay (*)

| Stt | Số hợp đồng | Dư nợ ban đầu | Dư nợ còn lại | Ngày nhận nợ | Ngày trả nợ | Lãi suất (%/tháng) |
|-----|----------------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|
| 1 | 0143 ngày 08/12/2009 | 661.182.878 | 661.182.878 | 08/12/2009 | 08/09/2010 | 1 |
| 2 | 0144 ngày 31/12/2009 | 719.520.000 | 719.520.000 | 31/12/2009 | 30/09/2010 | 1 |

Chi tiết khoản vay ()**

| Stt | Số hợp đồng | Dư nợ ban đầu | Dư nợ còn lại | Ngày nhận nợ | Ngày trả nợ | Lãi suất (%/tháng) |
|-----|-------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|
|-----|-------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|

| | | | | | | |
|---|--------------------|---------------|---------------|------------|------------|---|
| 1 | 01 ngày 15/01/2010 | 163.577.000 | 163.577.000 | 15/01/2010 | 15/07/2010 | 1 |
| 2 | 02 ngày 04/02/2010 | 1.639.849.365 | 1.639.849.365 | 04/02/2010 | 04/07/2010 | 1 |

Chi tiết khoản vay (*)**

| Stt | Số hợp đồng | Dư nợ ban đầu | Dư nợ còn lại | Ngày nhận nợ | Ngày trả nợ | Lãi suất (%/tháng) |
|-----|--------------------|---------------|---------------|--------------|-------------|--------------------|
| 1 | 01 ngày 31/03/2010 | 870.751.222 | 870.751.222 | 31/03/2010 | 31/12/2010 | 1 |
| 2 | 02 ngày 31/03/2010 | 1.126.730.000 | 1.126.730.000 | 31/03/2010 | 31/12/2010 | 1 |
| 3 | 03 ngày 02/04/2010 | 1.498.409.000 | 1.498.409.000 | 02/04/2010 | 2/12/2010 | 1 |
| 4 | 04 ngày 15/04/2010 | 68.260.000 | 68.260.000 | 15/04/2010 | 15/1/2011 | 1 |
| 5 | 05 ngày 25/05/2010 | 302.565.500 | 302.565.500 | 25/05/2010 | 15/2/2011 | 1 |
| 6 | 06 ngày 3/06/2010 | 301.023.000 | 301.023.000 | 3/06/2010 | 3/3/2011 | 1 |

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | 2008 | 2009 |
|--|--------|--------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | 0,98 | 1,11 |
| + Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) | 0,53 | 0,89 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,67 | 0,67 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,05 | 2,07 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 5,35 | 4,22 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,32 | 0,81 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 5,53% | 4,90% |
| + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 39,00% | 12,25% |
| + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 12,81% | 4,00% |
| + Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần | 5,80% | 6,73% |

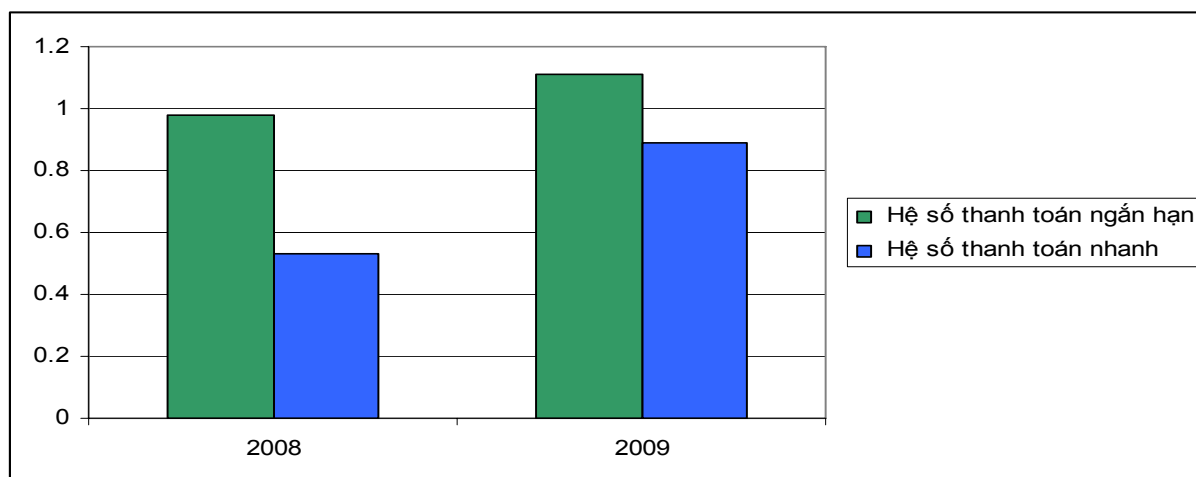
Nguồn: Tính toán theo Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 của Công ty

Chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Qua bảng trên ta thấy, tài sản lưu động của Công ty đảm bảo đủ khả năng tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty đều xấp xỉ mức 1 và được giữ ở mức ổn định qua các năm; cho thấy Công ty không chỉ duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn mà còn sử dụng một cách hiệu quả nguồn vốn lưu động của Công ty, không có tình trạng

dự trữ hàng tồn kho quá nhiều; tình trạng trả chậm và nợ phải thu khó đòi từ phía khách hàng. Sở dĩ như vậy là do trong các năm qua vấn đề quản lý công nợ và hàng tồn kho luôn được Công ty giám sát chặt chẽ. Năm 2009, chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh khá cao và gần bằng chỉ tiêu thanh toán hiện hành do Công ty duy trì lượng hàng tồn kho khá thấp.

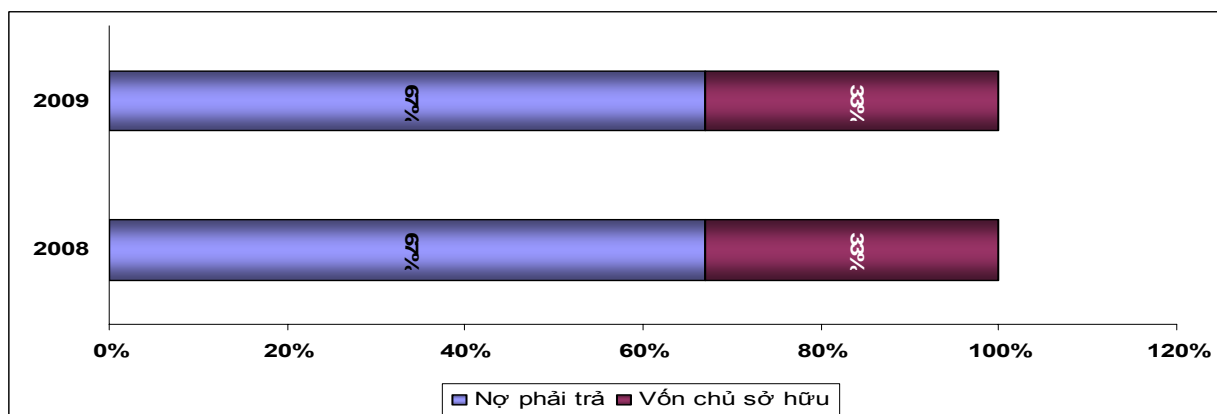
Biểu đồ khả năng thanh toán của Công ty giai đoạn 2008-2009



Chỉ tiêu cơ cấu vốn:

Công ty đang duy trì cơ cấu vốn khá ổn định qua các năm. Với hệ số Nợ/Tổng tài sản 67% năm 2008 và 2009, Công ty vẫn đảm bảo được năng lực tài chính cho sự phát triển ổn định và bền vững của mình đồng thời tận dụng được ưu điểm của đòn bẩy tài chính là mang lại mức sinh lợi cao thông qua việc sử dụng hiệu quả đồng vốn.

Biểu đồ cơ cấu vốn qua các năm của Công ty



Chỉ tiêu năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho giảm trong năm 2009 do tốc độ giảm giá vốn hàng bán lớn hơn so với tốc độ giảm giá trị hàng tồn kho qua các năm. Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản trong năm 2009 giảm mạnh so với năm 2008 do tổng tài sản năm 2009 chỉ tăng 6% so với năm 2008 trong khi doanh thu thuần năm 2009 lại giảm 27% so với năm 2008.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời:

Lợi nhuận năm 2009 của Công ty cao hơn năm 2008, tuy nhiên các chỉ tiêu sinh lời năm 2009 lại giảm so với năm 2008 cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2009 đạt hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh thấp trong năm 2009 là do các dự án thi công lớn của Công ty đều ở giai đoạn cuối, các dự án kế tiếp mới bắt đầu được triển khai, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các dự án đã thi công từ các năm trước và đang vào giai đoạn kết thúc, đồng thời thi công một số dự án của một số Công ty thành viên trong Tổng Công ty cũng như một số dự án của các Công ty ngoài Tổng Công ty. Nhìn chung, số lượng các hợp đồng ký kết với Tổng Công ty đều có giá trị nhỏ như hợp đồng Lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy Xi măng Thăng long, Thí nghiệm điện Nhà máy Xi măng Sông Thao,... một số hợp đồng ký kết với các Công ty thành viên cũng như các Công ty ngoài Tổng công ty cũng có giá trị hợp đồng tương tự.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Chủ tịch hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

| | | | |
|-------------------------|--|---|--------------------|
| Họ và tên | Hoàng Minh Phương | | |
| Giới tính | Nam | | |
| Số CMTND | 011763934 | Ngày cấp: 21/08/2001 | Nơi cấp: CA Hà nội |
| Ngày tháng năm sinh | 02/09/1952 | | |
| Nơi sinh | Hưng Yên | | |
| Quê quán | Đông La - Thị trấn Yên Mỹ - Hưng Yên | | |
| Quốc tịch | Việt Nam | | |
| Dân tộc | Kinh | | |
| Địa chỉ thường trú | 22A/357 đường Nguyễn Tam Trinh – Hoàng Văn Thụ- Hoàng Mai-HN | | |
| Số điện thoại liên lạc: | 04.35543797 | | |
| Trình độ văn hoá | Đại học | | |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cơ khí | | |
| Quá trình công tác | | | |
| ❖ Từ năm 1986 - 1991: | | Xưởng trưởng Xưởng sản xuất que hàn - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Kỹ thuật Lắp máy | |
| ❖ Từ năm 1992 - 1993: | | Đội trưởng đội lắp thang máy Xí nghiệp Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện | |
| ❖ Từ năm 1993 - 2003: | | Trưởng phòng thiết bị vật tư Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện | |

- ❖ Từ tháng 12/2006 - 03/2009: Tổng giám đốc, thành viên HĐQT Công ty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện
- ❖ Từ tháng 04/2009 đến nay: Chủ tịch hội đồng quản kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ 391.599 cổ phần, trong đó số cổ phần đại diện Nhà nước: 362.475 cổ phần, số cổ phần cá nhân nắm giữ: 29.124 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: 29,01 %

Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: Không

Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên **Nguyễn Văn Hùng**

Giới tính Nam

Số CMND: 011133025 Ngày cấp: 20/02/2004 Nơi cấp: CA Hà nội

Ngày tháng năm sinh 13/10/1953

Nơi sinh Thanh Hoá

Quê quán Hải Thanh – Tĩnh Gia – Thanh Hoá

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú 64 Ngõ 203 Đường Trường Chinh – Thanh Xuân – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 04.35543795

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1986 – 2003: Kế toán trưởng Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện
- ❖ Năm 2003 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí nghiệm Cơ Điện

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

| | |
|--|--|
| Số cổ phần nắm giữ | 168.020 cổ phần, trong đó số cổ phần đại diện Nhà nước: 135.000 cổ phần, số cổ phần cá nhân nắm giữ: 33.020 cổ phần. |
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | 12,45 % |
| Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: | Không |
| Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

12.1.3 Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

| | | | |
|--|--|----------------------|--------------------|
| Họ và tên | Nguyễn Mạnh Đoàn | | |
| Giới tính | Nam | | |
| Số CMND: | 011288562 | Ngày cấp: 05/04/2004 | Nơi cấp: CA Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 01/10/1953 | | |
| Nơi sinh | Nam Đàn - Nghệ An | | |
| Quê quán | Nam Đàn - Nghệ An | | |
| Quốc tịch | Việt Nam | | |
| Dân tộc | Kinh | | |
| Địa chỉ thường trú | Tập thể 125C Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội | | |
| Số điện thoại liên lạc: | 04.35544003 | | |
| Trình độ văn hoá | Đại học | | |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện | | |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">❖ Năm 1993 – 03/2003: Phó giám đốc Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện❖ Tháng 4/2003- 10/2007: Phó giám đốc ban dự án điện Uông Bí Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam❖ Tháng 11/2007- 08/2008: Giám đốc ban dự án điện Uông Bí Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam❖ Tháng 08/2008– 03/2009: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện❖ Tháng 04/2009 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện. | | |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không | | |
| Số cổ phần nắm giữ | Không | | |

| | |
|--|-------|
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | Không |
| Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: | Không |
| Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

12.1.4 Thành viên Hội đồng Quản Trị - Kế toán trưởng

| | |
|-------------------------|---|
| Họ và tên | Vũ Thị Thuý Giang |
| Giới tính | Nữ |
| Số CMND: | 012893468 ngày cấp: 17/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 25/12/1960 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Quê quán | Thái Thụy – Thái Bình |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Số 326 Bà Triệu – Hai Bà Trưng - Hà Nội. |
| Số điện thoại liên lạc: | 04.35543796 |
| Trình độ văn hoá | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán tài chính |
| Quá trình công tác | |

- ❖ Tháng 07/2001- 12/2002: Phó phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 01/2003 –03/2004: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2004- 2006: Kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2006 đến nay: Thành viên HĐQT - Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

| | |
|--|--|
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 221.842 cổ phần, trong đó số lượng cổ phần đại diện Nhà nước: 202.500 cổ phần, số cổ phần cá nhân nắm giữ: 19.342 cổ phần. |
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | 16,43 % |

Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: Không

Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.1.5 Thành viên Hội đồng Quản Trị

Họ và tên **Trần Văn Hưng**

Giới tính Nam

Số CMND: 011258062 Ngày cấp: 21/08/2001 Nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 23/10/1955

Nơi sinh Mỹ Thắng – Nam Định

Quê quán Mỹ Thắng – Nam Định

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Tập thể 125C Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913214357

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

❖ Tháng 09/1994- 3/2009: Đội trưởng đội Kiểm tra mỗi hàn của Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

❖ Tháng 04/2009 đến nay: Thành viên HĐQT- Đội trưởng đội Kiểm tra mỗi hàn của Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ 30.000 CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: 2,22 %

Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: Không

Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.2 Ban kiểm soát**12.2.1 Trưởng ban kiểm soát**

| | | | |
|--|---|----------------------|---------------------|
| Họ và tên | Nguyễn Mạnh Hưởng | | |
| Giới tính | Nam | | |
| Số CMND: | 131617690 | Ngày cấp: 13/07/1999 | Nơi cấp: CA Phú Thọ |
| Ngày tháng năm sinh | 14/01/1982 | | |
| Nơi sinh | Lâm Thao, Phú Thọ | | |
| Quê quán | Lâm Thao, Phú Thọ | | |
| Quốc tịch | Việt Nam | | |
| Dân tộc | Kinh | | |
| Địa chỉ thường trú | Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ | | |
| Số điện thoại liên lạc: | 0912882006 | | |
| Trình độ văn hoá | Đại học | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | | |
| Quá trình công tác: | | | |
| ❖ Từ 1/2005-nay: | Chuyên viên kế toán – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam | | |
| ❖ Từ 4/2009-nay: | Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện | | |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không | | |
| Số cổ phần nắm giữ | 88 | | |
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | 0,006% | | |
| Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: | Không | | |
| Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: | Không | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không | | |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không | | |

12.2.2 Ủy viên Ban kiểm soát

| | | | |
|---------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Họ và tên | Lê Tuấn Anh | | |
| Giới tính | Nam | | |
| Số CMND: | 013085763 | ngày cấp: 13/06/2008 | nơi cấp: CA Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 13/02/1983 | | |

| | |
|--|---|
| Nơi sinh | Bắc Giang |
| Quê quán | Bắc Giang |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | 16/88 Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai-Thanh Xuân-Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc: | 0915162099 |
| Trình độ văn hoá | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành tài chính kế toán |
| Quá trình công tác | |
| ❖ Năm 2006- 03/2009: | Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện |
| ❖ Tháng 04/2009 đến nay: | Thành viên ban kiểm soát - Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty CP LILAMA – Thí Nghiệm Cơ Điện |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | Không |
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | Không |
| Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: | Không |
| Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

12.2.3 Ủy viên Ban kiểm soát

| | |
|-------------------------|---|
| Họ và tên | Lương Văn Khải |
| Giới tính | Nam |
| Số CMND: | 012969239 ngày cấp: 27/04/2007 nơi cấp: CA Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 10/10/1955 |
| Nơi sinh | Hưng Yên |
| Quê quán | Hưng Yên |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | 12 ngõ Hoà Bình 7 - Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc: | 04.35543791 |

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- ❖ Năm 1993- 2001: Đội trưởng đội Thí nghiệm của Công ty Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2002- 2006: Kỹ sư phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Năm 2007- 03/2009: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 04/2009- 06/2009: Thành viên ban kiểm soát - Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện
- ❖ Tháng 7/2009 đến nay: Thành viên ban kiểm soát - Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện

| | |
|--|-----------|
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Số cổ phần nắm giữ | 12.610 CP |
| Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: | 0,93 % |
| Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: | Không |
| Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

12.3 Ban Giám Đốc

12.3.1 Tổng Giám Đốc

Ông Hoàng Minh Phương : Lý lịch đã trình bày ở phần trên, tại mục 12.1.1

12.3.2 Phó Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng Lý lịch đã trình bày ở phần trên, tại mục 12.1.2

12.3.3 Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên **Hoàng Văn Lít**

Giới tính Nam

Số CMND: 011520060 ngày cấp: 09/06/1999 nơi cấp: CA Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 09/01/1970

Nơi sinh Hà Nội

Quê quán Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Địa chỉ thường trú Xóm Nhồi - Cổ Loa - Đông Anh – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04.35543794

Trình độ văn hoá Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

❖ Tháng 6/2005 – tháng 7/2007: Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Lắp Máy & Thí Nghiệm Cơ Điện.

❖ Tháng 8/2007 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA- Thí Nghiệm Cơ Điện.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ 5.000 CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ: 0,37 %

Số cổ phiếu do những người có liên quan nắm giữ: Không

Tỷ lệ cổ phiếu do những người liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.3.4 Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Đoàn Lý lịch đã trình bày ở trên, tại mục 12.1.3

12.3.5 Kế toán trưởng Công ty

Bà Vũ Thị Thuý Giang Lý lịch đã trình bày ở mục 12.1.4

13. Tài sản

13.1 Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị: đồng

| Tài sản | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 18.101.160.070 | 9.586.979.557 | 8.514.180.513 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.873.031.011 | 500.713.171 | 2.372.317.840 |
| Máy móc thiết bị | 12.703.876.212 | 7.680.028.656 | 5.023.847.556 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 1.779.706.298 | 836.776.449 | 942.929.849 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 403.447.502 | 315.236.230 | 88.211.272 |
| TSCĐ khác | 341.099.047 | 254.225.051 | 86.873.996 |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 16.267.626.377 | 0 | 16.267.626.377 |
| Quyền sử dụng đất | 16.267.626.377 | - | 16.267.626.377 |
| Nhãn hiệu hàng hoá | | | |
| Phần mềm máy tính | | | |
| TSCĐ vô hình khác | | | |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

13.2. Giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 30/6/2010

Đơn vị: đồng

| Tài sản | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 18.131.760.070 | 10.666.767.368 | 7.464.992.702 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.873.031.011 | 591.666.679 | 2.281.364.332 |
| Máy móc thiết bị | 12.703.876.212 | 8.481.055.678 | 4.222.820.534 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 1.779.706.298 | 948.304.809 | 831.401.489 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 434.047.502 | 346.582.934 | 87.464.568 |
| TSCĐ khác | 341.099.047 | 299.157.268 | 41.941.779 |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 16.267.626.377 | | 16.267.626.377 |
| Quyền sử dụng đất | 16.267.626.377 | | 16.267.626.377 |
| Nhãn hiệu hàng hoá | - | - | - |
| Phần mềm máy tính | - | - | - |
| TSCĐ vô hình khác | - | - | - |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

13.3 Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

| STT | Vị trí lô đất | Diện tích | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng |
|-----|--|----------------------|---------------------|-------------------|
| 1 | 434+436 đường Nguyễn Trãi-Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội | 341,2 m ² | Nhà 3,5 tầng | Trụ sở Công ty |
| 2 | 125C Minh Khai- Hai Bà Trưng – Hà Nội | 45 m ² | Nhà 3 tầng | Nhà kho |

14. Kế hoạch phát triển kinh doanh

14.1 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 - 2011

Đơn vị: 1000 VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2009 (thực hiện) | %tăng, giảm 2009/2008 | Năm 2010 | %tăng, giảm 2010/2009 | Năm 2011 |
|----|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 49.315.291 | 72,57 | 61.600.000 | 24,91 | 72.200.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 2.416.501 | 64,34 | 2.400.000 | (0,68) | 3.249.000 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DTT | 4,90% | - | 3,90% | - | 4,50% |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL | 17,90% | - | 17,78 | - | 24,06 |
| 5 | Cổ tức | 11,5 | 85,19 | 12 | 4,35 | 12,5 |

Các chỉ tiêu khác:

Đơn vị: 1000 VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2009 (thực hiện) | %tăng, giảm 2009/2008 | Năm 2010 | %tăng, giảm 2010/2009 | Năm 2011 |
|----|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-------------|-----------------------------|-------------|
| 1 | Giá trị tổng sản lượng | 74.949.000 | 83,28 | 112.500.000 | 50,10 | 132.000.000 |
| 2 | Vốn điều lệ | 13.500.000 | 100 | 13.500.000 | 0 | 13.500.000 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.313.912 | 75,56 | 3.200.000 | (3,44) | 4.332.000 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 2.416.501 | 64,34 | 2.400.000 | (0,68) | 3.249.000 |
| 5 | Nộp ngân sách | 4.566.711 | 83,98 | 6.320.000 | 38,39 | 6.498.000 |
| 6 | Thu nhập bình quân/người/tháng | 3.674 | 101,43 | 4.000 | 8,87 | 4.120 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện

14.2 Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch như trên, Công ty đề ra chiến lược kinh doanh cụ thể trong những năm tới như sau:

❖ Về chiến lược kinh doanh:

- Thực hiện đầu tư mở rộng, phát triển kinh doanh, tăng cường liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài Tổng Công ty. Tập trung nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và phát triển thêm những ngành nghề khác.
- Tiếp tục tập trung phát triển những sản phẩm hiện đang là thế mạnh của Công ty, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tổ chức thực hiện cải tiến công tác kinh doanh, quản lý tài chính hiệu quả...xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt để mở rộng mạng lưới tiêu thụ trong và ngoài nước. Tích cực xây dựng, củng cố mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để đảm bảo sự ổn định đầu ra cho sản phẩm.

❖ Các giải pháp cụ thể:

- Tổ chức bộ máy quản lý điều hành sản xuất
 - o Bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý kinh tế kỹ thuật, chất lượng đảm bảo phù hợp với quy chế quản lý của Công ty, Tổng công ty và theo quy định của pháp luật nhà nước.
 - o Sắp xếp các phòng ban, lực lượng cán bộ, công nhân thi công nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ tại các công trình trọng điểm.
- Về đầu tư:
 - o Mua sắm thêm trang thiết bị hiện đại để tăng cường năng lực thi công các công trình.
 - o Nghiên cứu đầu tư vào các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa, các công trình công nghiệp dân dụng, khai khoáng, nhiệt điện ...nhằm tạo ra việc làm ổn định, tăng thêm thu nhập cho cán bộ công nhân viên đồng thời nâng cao năng lực quản lý tài chính.
- Về quản lý tài chính:
 - o Thực hiện quy chế thu hồi vốn và công nợ, đảm bảo giảm giá trị dở dang và công nợ đến mức thấp nhất; giải quyết dứt điểm nợ xấu, nợ quá hạn.
 - o Quản lý công tác hạch toán kinh doanh làm cơ sở cho việc kiểm tra, quản lý chi phí, đảm bảo tiết kiệm chi phí nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn cao.
 - o Đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động, thực hiện quan hệ tín dụng đảm bảo nguồn vốn lưu động cũng như vốn tín dụng trung và dài hạn.
- Giải pháp về quản lý kỹ thuật:

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, lập biện pháp thi công, bóc tách bản vẽ; đặc biệt với các công trình có khối lượng thi công lớn với chủng loại thiết bị đa dạng, yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật
- Lập hồ sơ thi công đầy đủ, chi tiết tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đấu thầu, mua sắm trang thiết bị vật tư cũng như nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
- Về mặt lao động, đào tạo nhân lực:
 - Xây dựng quy chế lương, chế độ chính sách phù hợp và văn hoá doanh nghiệp để thu hút cán bộ có năng lực.
 - Không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Hiện tại, Công ty đang thực hiện một số đơn đặt hàng có giá trị tương đối lớn về thí nghiệm, hiệu chỉnh và lắp đặt thiết bị điện cho Nhà máy Thủy Điện Vũng Áng I; Nhà máy Nhiệt Điện HủaNa; Dự án Xử lý Nước Công Viên Yên Sở; Dự án Nhà máy Sợi Đình Vũ, Hải Phòng; Dự án sửa chữa Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất ,... Với khối lượng hợp đồng lớn như vậy, Công ty ước tính tổng giá trị sản lượng từ các hoạt động của Công ty trong năm 2010 sẽ là 112,5 tỷ đồng, tương ứng với hơn 60 tỷ đồng doanh thu.

Đơn vị: triệu đồng

| STT | TÊN HỢP ĐỒNG THI CÔNG | Năm ký HĐ | Giá trị hợp đồng | Giá trị đã thực hiện đến hết 31/12/2009 | Giá trị hợp đồng còn chưa thực hiện | Giá trị sản lượng ước thực hiện 2010 |
|----------|-----------------------------------|------------|------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| I | Các công trình chuyển tiếp | | 198,543 | 160,593 | 37,950 | 37,950 |
| 1 | NM Lọc Dầu Dung Quất gói 2&3 | 2006, 2009 | 46,705 | 42,285 | 4,420 | 4,420 |
| 2 | NM Lọc Dầu Dung Quất gói 1&4 | 2009 | 54,732 | 49,240 | 5,492 | 5,492 |
| 3 | NM Nhiệt Điện Uông Bí | | 53,942 | 50,682 | 3,260 | 3,260 |
| 4 | Nhà máy Khí CN Messer Hải Dương | 2009 | 580 | 426 | 154 | 154 |
| 5 | Bảo tàng Hà Nội | 2009 | 766 | 114 | 652 | 652 |
| 6 | Nhà máy Nhiệt điện ẩn Độ | 2006 | 2,591 | 1,224 | 1,367 | 1,367 |
| 7 | NM Thủy Điện Đồng Nai 3+4 | 2008 | 3,457 | 1,714 | 1,743 | 1,743 |
| 8 | Thủy điện Đark'tih | 2008 | 3,942 | | 3,942 | 3,942 |
| 9 | Nhà máy Xi Măng Bim Sơn | 2009 | 5,499 | 1,538 | 3,961 | 3,961 |
| 10 | Nhà máy Xi măng Hạ Long | 2009 | 1,905 | 617 | 1,288 | 1,288 |
| 11 | NM Thủy Điện Sơn La | 2008 | 12,513 | 1,913 | 10,600 | 10,600 |

| | | | | | | |
|------------|--|-------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 12 | NM Xi Măng Thăng Long | 2007 | 11,911 | 10,840 | 1,071 | 1,071 |
| II | Các công trình đã ký năm 2009 và thực hiện năm 2010 | | 7,743 | 0 | 7,743 | 7,743 |
| 1 | Nhà máy Xi măng Sông Thao | 2009 | 2,813 | | 2,813 | 2,813 |
| 2 | Gói thầu 6.3-HTY Xây lắp lưới điện trung áp | 2009 | 120 | | 120 | 120 |
| 3 | Nhà máy Xi măng Hạ Long | 2009 | 379 | | 379 | 379 |
| 4 | Gói thầu 76/XL-AL Ctr TĐ A Lưới | 2009 | 501 | | 501 | 501 |
| 5 | Nhà máy chế biến Cacbonnat Canxi Yên Bình Yên Bái | 2009 | 3,930 | | 3,930 | 3,930 |
| III | Các Công trình ký và thực hiện năm 2010 | | 66,807 | | 66,807 | 66,807 |
| 1 | Lô thầu 61-3/XL-AL và 61-4/XL-AL Ctr TĐ A Lưới | 2010 | 543 | | 543 | 543 |
| 2 | Nhà máy Thủy điện An Khê Kanak | 2010 | 645 | | 645 | 645 |
| 3 | Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng | 2010 | 100,000 | | 100,000 | 50,000 |
| 4 | Các công trình khác | Dự kiến ký kết trong năm 2010 | 15,619 | | 15,619 | 15,619 |
| | TỔNG | | 273,143 | 160,593 | 162,500 | 112,500 |

Trong năm 2011, Công ty sẽ tham gia hoạt động lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện và hoạt động kiểm tra môi hàn cho một số công trình lớn như Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng I, Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng II, Công trình Nhiệt Điện Nhơn Trạch II, Công trình Nhà máy Thủy điện Huân, Nhà máy Xi măng Đô Lương, Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt Điện Thăng Long, Nhà máy Luyện cán thép, các nhà máy Nhiệt điện khu vực miền Trung và Nam, Theo đó ước tính Doanh thu từ các hoạt động trên trong năm 2011 sẽ đạt khoảng 72 tỷ đồng, tương ứng với khoảng hơn 4 tỷ đồng lợi nhuận.

Như vậy, với sự nỗ lực kinh doanh và không ngừng sáng tạo của đội ngũ CBNV cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của đội ngũ lãnh đạo trong Công ty và sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện hoàn toàn tin tưởng vào khả năng đạt được kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã đề ra cho năm 2010 và 2011.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2006, 2007 và năm 2008; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về chế tạo và lắp đặt thiết bị công nghệ trong giai đoạn 2009 - 2011, kế hoạch lợi nhuận của Công ty được xây dựng trong 02 năm 2010 – 2011 là hợp lý.

Chúng tôi cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp và các dự án mới đi vào hoạt động một cách thuận lợi thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra trong giai đoạn 2010-2011 là khả thi và có thể vượt mức đặt ra. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra đảm bảo được mức cổ tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mọi ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Trường hợp ông Lê Tuấn Anh – Thành viên Ban kiểm soát hiện đang là nhân viên phòng tài chính kế toán của Công ty là chưa phù hợp với quy định tại Điều 36.1 Điều lệ của Công ty. Công ty cam kết sẽ thực hiện bầu thay thế thành viên ban kiểm soát trong kỳ họp Đại hội cổ đông gần nhất.

Hiện tại Công ty có 4/5 thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ quản lý trong Công ty là chưa phù hợp với quy định tại Điều 24.1 Điều lệ Công ty. Về vấn đề này Công ty cam kết sẽ thực hiện bầu bổ sung, thay thế thành viên hội đồng quản trị cho phù hợp với quy định tại kỳ họp Đại hội cổ đông gần nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhưng chưa được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2010, chưa phù hợp với quy định tại Điều 26.1 Điều lệ Công ty. Về vấn đề này, Công ty cam kết sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHCĐ tại kỳ họp Đại hội cổ đông gần nhất.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá: 10.000 đồng**
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 1.324.000 cổ phiếu**

Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đã tính giá trị quyền sử dụng nhãn hiệu Lilama và biểu tượng Lilama vào phần vốn Nhà nước. Giá trị quyền sử dụng nhãn hiệu là 260.000.000 đồng, tương ứng với 26.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Do hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn việc thực hiện góp vốn bằng giá trị thương hiệu nên tạm thời tổng số chứng khoán niêm yết của Công ty không bao gồm giá trị quyền sử dụng nhãn hiệu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Cổ phần của thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT bị hạn chế chuyển nhượng

Theo Mục đ Điều 8 Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng của công ty phải nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu trong 06 tháng tiếp theo không tính số cổ phiếu của Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Tổng số cổ phiếu của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng bị hạn chế chuyển nhượng do cam kết nắm giữ 100% số cổ phần sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định của pháp luật là: 129.184 cổ phiếu.

Tính đến ngày 16/8/2010, số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGD, KTT của Công ty như sau:

| Họ và tên | Chức danh | Cổ phần nắm giữ | Thời gian hạn chế |
|-------------------|----------------------|-----------------|--|
| Hoàng Minh Phương | Chủ tịch HĐQT, TGD | 29.124 | 100% trong thời gian 6 tháng đầu tiên và 50% trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết |
| Vũ Thị Thuý Giang | Thành viên HĐQT | 19.342 | |
| Nguyễn Văn Hùng | Thành viên HĐQT | 33.020 | |
| Hoàng Văn Lít | Phó Tổng Giám đốc | 5.000 | |
| Trần Văn Hưng | Thành viên HĐQT | 30.000 | |
| Nguyễn Mạnh Hưởng | Trưởng ban kiểm soát | 88 | |
| Lương Văn Khải | Thành viên BKS | 12.610 | |

5. Phương pháp tính giá

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

♦ Tại thời điểm 31/12/2009

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{20.320.071.503 - 143.807.435}{1.350.000} = 14.945 \text{ đồng/cổ phần}$$

♦ **Tại thời điểm 30/6/2010**

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{19.068.340.213}{1.350.000} = 14.124 \text{ đồng/cổ phần}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm Cơ điện theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài sau khi Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Hiện tại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% theo Quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

Các loại thuế khác:

Ngoài thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty phải nộp các loại thuế khác liên quan theo quy định của các luật thuế hiện hành như: Thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất và tiền thuê đất, các loại thuế khác.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1 & 5 Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3537 8010

Fax: (84-4) 3537 8005

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1386

Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 352 7777

Fax: (84-511) 352 3779

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 12, Ngõ 2, Hoa Lư – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3974 5081

Fax: (84-4) 3974 5083

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ Công ty phù hợp với điều lệ mẫu
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2010
- 4. Các phụ lục khác**

Hà Nội, ngàytháng....năm 2010

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG MINH PHƯƠNG

NGUYỄN MẠNH HƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ THÚY GIANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG VINH